

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

HÀ HẢI GIANG

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH
TẠI CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN MINH THỊNH

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

HÀ HẢI GIANG

**XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH
TẠI CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN MINH THỊNH**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. VŨ THỊ THANH THỦY

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Tác giả

Hà Hải Giang

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	IV
DANH MỤC BẢNG BIỂU	V
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	VI
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
1.1. Lý do chọn đề tài	1
1.2. Tổng quan về các công trình đã nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
1.2.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài	2
1.2.2. Các công trình nghiên cứu trong nước	3
1.3. Mục tiêu nghiên cứu	6
1.4. Câu hỏi nghiên cứu.....	6
1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	6
1.6. Phương pháp nghiên cứu	6
1.6.1. Phương pháp nghiên cứu định tính	6
1.6.2 Phương pháp nghiên cứu định lượng	7
1.7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu.....	7
1.8. Nội dung chi tiết.....	8
CHƯƠNG 2: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VÀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	9
2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của công tác phân tích tài chính doanh nghiệp	9
2.1.1. Khái niệm	9
2.1.2. Mục tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp	9
2.1.3. Tầm quan trọng của công tác phân tích tài chính trong doanh nghiệp	10
2.2. Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp	13

2.2.1. Bản chất của hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính	13
2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính.....	14
2.2.3. Căn cứ xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp .	16
2.2.4. Nguyên tắc xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp	18
2.2.5. Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp	19
2.3. Tổ chức công tác phân tích tài chính	26
2.3.1. Lập kế hoạch phân tích.....	26
2.3.2. Thu thập thông tin	27
2.3.4. Lập báo cáo phân tích tài chính.....	29
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	30
CHƯƠNG 3 : THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN MINH THỊNH ...	31
3.1. Tổng quan về Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh	31
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển TNHH khoáng sản Minh Thịnh	31
3.1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	32
3.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán	34
3.1.4. Những đặc điểm kinh doanh chủ yếu ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính.....	35
3.2. Thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	36
3.2.1. Thông tin sử dụng trong phân tích tài chính tại Công ty	36
3.2.2. Các chỉ tiêu phân tích.....	37
3.2.3. Quy trình phân tích tài chính của Công ty	41
3.2.4. Tổ chức phân tích tài chính tại Công ty	41
3.3. Đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh	42

3.3.1. Những kết quả đạt được.....	42
3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân.....	42
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	47
CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN MINH THỊNH.....	48
4.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	48
4.2. Tính cấp thiết của việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	49
4.3. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	50
4.3.1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	50
4.3.2. Áp dụng hệ thống chỉ tiêu được xây dựng để phân tích tình hình tài chính.....	59
4.4. Giải pháp về tổ chức công tác phân tích.....	72
4.4.1. Xây dựng quy trình phân tích kết hợp với lựa chọn loại hình phân tích phù hợp.....	72
4.4.2. Tổ chức bộ máy thực hiện.....	73
4.5. Điều kiện để thực hiện và giải pháp.....	74
4.5.1. Với Nhà nước.....	74
4.5.2. Với ngành liên quan.....	76
4.5.3 Về phía công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	76
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....	78
KẾT LUẬN.....	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	82
PHỤ LỤC.....	84

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Giải nghĩa
BCTC	Báo cáo tài chính
BEP	Doanh lợi trước thuế
CCDC	Công cụ dụng cụ
CKKT	Cân đối kế toán
DN	Doanh nghiệp
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
GVHB	Giá vốn hàng bán
HĐQT	Hội đồng quản trị
HTK	Hàng tồn kho
KQHĐKD	Kết quả hoạt động kinh doanh
LCTT	Lưu chuyển tiền tệ
LN	Lợi nhuận
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NH	Ngắn hạn
ROA	Tỷ suất sinh lời của tài sản
ROE	Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu
ROS	Khả năng sinh lời của doanh thu
TB	Trung bình
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TS	Tài sản
TSDH	Tài sản dài hạn
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VĐT	Vốn đầu tư
VKD	Vốn kinh doanh
VLC	Vốn lưu chuyển
VLD	Vốn lưu động

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1: Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính áp dụng tại Công ty.....	38
Bảng 3.2: Số liệu về các chỉ tiêu phân tích tài chính của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	39
Bảng 4.1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	54
Bảng 4.2: Các chỉ tiêu phân tích khái quát tài sản, nguồn vốn của công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	59
Bảng 4.3: Các chỉ tiêu phân tích khả năng thanh khoản của công ty.....	60
Bảng 4.5: Các chỉ tiêu phân tích đòn bẩy tài chính của Công ty	66
Bảng 4.6. Các chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lợi của Công ty.....	68
Bảng 4.7: Phân tích tỷ số ROA.....	70

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Sơ đồ 3.1. Bộ máy tổ chức của Công ty TNHH khoáng sản	32
Sơ đồ 3.2. Bộ máy kế toán của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.....	35
Sơ đồ 3.3 : Quy trình phân tích tài chính tại Công ty	41
Hình 4.1: So sánh khả năng thanh toán tổng quát của Công ty với TB ngành	61
Hình 4.2: So sánh khả năng thanh toán hiện hành của Minh Thịnh với ngành khoáng sản	62
Hình 4.3: So sánh hệ số thanh toán nhanh của Minh Thịnh với ngành khoáng sản.....	62
Hình 4.4: So sánh hệ số thanh toán tức thời của Công ty với TB ngành	63
Bảng 4.4: Các chỉ tiêu phân tích hoạt động của Công ty.....	64
Hình 4.5: So sánh số vòng quay tổng TS của Minh Thịnh với ngành khoáng sản.....	65
Hình 4.6: So sánh hệ số nợ so với TS của Công ty với ngành.....	67
Hình 4.7: So sánh ROS của Công ty với ngành khoáng sản.....	69
Hình 4.8: So sánh ROA của Công ty với ngành khoáng sản	71
Hình 4.9: So sánh ROE của Công ty với ngành khoáng sản	71

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay, bất kỳ doanh nghiệp nào khi tiến hành đầu tư và sản xuất kinh doanh đều mong muốn đạt được mục tiêu cuối cùng là tối đa hóa giá trị tài sản cho chủ sở hữu. Bên cạnh những lợi thế sẵn có của từng ngành nghề kinh doanh thì nội lực tài chính của doanh nghiệp là cơ sở đánh giá xem doanh nghiệp có thực sự vững mạnh để tiếp tục hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Chính vì vậy, việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp là hết sức cần thiết. Thông qua phân tích tài chính, các nhà quản trị sẽ đánh giá được thực trạng sản xuất kinh doanh và có cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về “bức tranh tài chính” của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc phân tích tài chính còn có ý nghĩa cho các đối tượng sử dụng thông tin ngoài doanh nghiệp như: các nhà đầu tư, các ngân hàng và tổ chức tín dụng, các nhà cung cấp, các chủ nợ, các khách hàng, các nhà bảo hiểm, người lao động... Trong phân tích tài chính, hệ thống chỉ tiêu phân tích có vai trò đặc biệt quan trọng. Với một hệ thống chỉ tiêu phù hợp, phân tích tài chính sẽ giúp doanh nghiệp cũng như các đối tượng có liên quan đánh giá đúng sức mạnh tài chính, khả năng sinh lời và triển vọng của DN từ đó đưa ra các quyết định phù hợp với mục tiêu mà họ quan tâm.

Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh là doanh nghiệp hoạt động trong ngành khoáng sản. Trong lĩnh vực này, doanh nghiệp chịu sự cạnh tranh rất quyết liệt từ các doanh nghiệp cùng ngành. Vì vậy, muốn tồn tại và phát triển doanh nghiệp cần phải đánh giá chính xác thực trạng tài chính và tiềm năng của doanh nghiệp để có thể ra những quyết định đúng đắn. Bên cạnh đó, có nhận được sự quan tâm của nhà đầu tư, các nhà cho vay, các nhà cung cấp... hay không cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều từ công tác phân tích tài chính của doanh nghiệp. Trên thực tế, công tác phân tích tài chính đã được

thực hiện tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của quản lý do hệ thống chỉ tiêu phân tích chưa được xây dựng một cách phù hợp. Xuất phát từ nhận thức trên, tác giả đã chọn đề tài: ***“Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

1.2. Tổng quan về các công trình đã nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính là công cụ quan trọng để thực hiện phân tích và quản trị tài chính. Trong và ngoài nước đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu về phân tích tài chính và hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính.

1.2.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài

- Năm 1994, tác giả GS. Josette Peyrard trong công trình “Phân tích tài chính doanh nghiệp” đã nhắc đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính như là công cụ quan trọng trong phân tích tài chính doanh nghiệp

- Năm 2006: Cuốn sách “Key Management Ratios: The clearest guide to the critical numbers that drive your business” của tác giả Ciaran Walsh viết về các chỉ tiêu quan trọng sử dụng cho quản trị tài chính doanh nghiệp. Trong cuốn sách này, tác giả nhấn mạnh đến các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh như: Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận tổng tài sản, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư. Tác giả cũng đưa ra tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các chỉ tiêu trên.

- Năm 2007: Tại Thái Lan, các nhà nghiên cứu của Trường Đại học Chulalongkorn (J.Thomas Connelly và Piman Limpaphayom) đã đưa ra mô hình nghiên cứu về hệ thống chỉ tiêu phân tích trong các doanh nghiệp tại Thái Lan. Hệ thống này gồm 9 chỉ tiêu phân tích tài chính và phi tài chính : 5 chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và 4 chỉ tiêu phản ánh tình hình quản trị doanh nghiệp. Các chỉ tiêu này được trình bày cụ thể trong cuốn sách

“Determinants of Corporate Disclosure and Transparency: Evidence from Hong Kong and Thailand”

- Cuốn sách “Performance measurement and management control: superior organizational performance” do NXB Elsevier Ltd phát hành năm 2004 tập hợp một số bài viết của các tác giả liên quan đến vai trò của hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính, ảnh hưởng của hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính và mô hình xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trong doanh nghiệp.

- Bài báo “Integrated Performance Measurement Systems: A Development Guide” của các tác giả Bititci US, Carrie AS, McDevitt LG trên tạp chí International Journal of Operations and Production Management, vol 17 số 6 do Nhà xuất bản MCB University Press (từ trang 522 đến trang 535 – số tháng 5 và 6 năm 1997). Trong bài báo này, các tác giả đã nêu lên vai trò quan trọng của hệ thống chỉ tiêu phân tích nói chung trong quá trình đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các mô hình liên kết các chỉ tiêu phân tích ở các khía cạnh khác nhau của quá trình kinh doanh.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu trong nước

Với các công trình nghiên cứu lý luận về phân tích tài chính có thể kể đến các giáo trình hay các bài báo, sách tham khảo. Các cuốn sách đã xuất bản tiêu biểu mà em được biết, gồm: Giáo trình phân tích báo cáo tài chính của trường Đại học kinh tế Quốc dân, giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp của Học viện Tài chính,...

Bên cạnh các công trình nghiên cứu lý luận, trong thời gian qua còn có rất nhiều các công trình nghiên cứu thực tiễn về phân tích tài chính có thể kể đến như:

- Công trình nghiên cứu “Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính doanh nghiệp” (1995), các tác giả GS.TS Ngô Thế Chi, PGS.TS Đoàn Xuân

Tiên, và TS Vương Đình Huệ đã nghiên cứu về nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp. Ở tác phẩm này, các tác giả nghiên cứu chủ yếu về phân tích tài chính, trong đó các chỉ tiêu tài chính là công cụ để phục vụ phân tích tài chính doanh nghiệp. Tuy nhiên công trình nghiên cứu trọng tâm về phân tích tài chính của doanh nghiệp mà không trọng tâm vào xây dựng các chỉ tiêu phân tích tài chính.

- Năm 2006, PGS. TS. Nguyễn Năng Phúc đã công bố công trình “Phân tích tài chính công ty cổ phần”. Đây là một công trình nghiên cứu sâu về phân tích tài chính của công ty cổ phần, trong đó đề cập đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trong công ty cổ phần, các phương pháp phân tích tài chính công ty cổ phần và hướng dẫn quy trình áp dụng.

- Luận án tiến sĩ “Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam” (2008) tác giả Trần Thị Minh Hương đã đi vào hệ thống hóa hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính một cách khá hệ thống và chi tiết.

- Bài báo “Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính nhằm tăng cường công tác kiểm toán” của TS. Trần Quý Liên (Đại học Kinh tế quốc dân) đăng trên tạp chí kiểm toán (số 43/năm 2011) lại đề cập đến việc hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính nhưng trọng tâm để phục vụ công tác kiểm toán.

- Luận án tiến sĩ “Hoàn thiện nội dung phân tích tài chính cho các công ty cổ phần trong Tổng công ty xi măng Việt Nam” (2014), tác giả Phạm Thị Quyên (Học viện Tài Chính) đã đề cập đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính là một khía cạnh trong hoàn thiện các nội dung phân tích tài chính cho các công ty cổ phần trong Tổng công ty xi măng Việt Nam.

- Luận văn thạc sỹ “Phân tích báo cáo tài chính Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung” (2014) của tác giả Nguyễn Thùy Linh – Đại

học kinh tế quốc dân đã tập trung hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về phân tích tình hình tài chính thông qua báo cáo tài chính, đề cập sâu đến các phương pháp cũng như nội dung phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp. Luận văn thạc sỹ “Phân tích tình hình tài chính công ty TNHH 1 thành viên than Mạo Khê“ (2015) của tác giả Vũ Huyền Nga – Trường Đại học kinh tế, đã phân tích rất rõ cấu trúc tài chính, hiệu quả sử dụng nguồn vốn và tài sản, khả năng thanh toán,...của công ty. Tuy nhiên, điểm hạn chế của các công trình nghiên cứu này là tác giả chưa có sự so sánh với các công ty khác trong cùng ngành khai thác than, khoáng sản để đánh giá. Vì thế các đánh giá của tác giả chưa có tính khách quan cao.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu về hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính của các tác giả trong và ngoài nước đã được công bố đã chỉ rõ phương pháp, nội dung, cách tính và ý nghĩa của các chỉ tiêu phân tích tài chính trong các doanh nghiệp nói chung. Phân tích tài chính doanh nghiệp là lĩnh vực khoa học phức tạp cần được các nhà khoa học cũng như người học tiếp tục nghiên cứu để không ngừng hoàn thiện để đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin của các nhà quản lý. Việc hoàn thiện nội dung phân tích phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, từng ngành kinh tế, từng lĩnh vực hoạt động cụ thể là rất cần thiết nhằm không ngừng nâng cao vai trò của công cụ phân tích trong quản trị, giám sát tài chính DN. Cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu về hệ thống chỉ tiêu phân tích đối với công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh. Việc phân tích tài chính có ý nghĩa hết sức to lớn đối với không những bản thân công ty, mà cả với các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của công ty. Trên cơ sở kế thừa những kết quả mà các luận văn nêu trên đã đạt được, Luận văn “*Xây dựng hệ thống phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh*” sẽ đề xuất các giải pháp xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.

1.3. Mục tiêu nghiên cứu

- Vận dụng các lý luận về phân tích tài chính doanh nghiệp để xem xét, đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính áp dụng tại công ty TNHH Minh Thịnh, qua đó nhận biết các ưu và nhược điểm của hệ thống;

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính phù hợp cũng như các điều kiện cơ bản để áp dụng hệ thống này tại công ty TNHH Minh Thịnh.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu

- Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trong doanh nghiệp gồm những chỉ tiêu nào?

- Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh đã sử dụng những chỉ tiêu phân tích tài chính nào?

- Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính của công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh cần được hoàn thiện như thế nào?

1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Phân tích tài chính và hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp

Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi không gian: Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

- Phạm vi thời gian: số liệu nghiên cứu được giới hạn trong giai đoạn 2013-2015.

1.6. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây để đạt được mục tiêu nghiên cứu của mình:

1.6.1. Phương pháp nghiên cứu định tính

Khi sử dụng phương pháp này giúp tác giả phát hiện những chỉ tiêu phân tích tài chính phù hợp với loại hình doanh nghiệp.

Để có căn cứ cho việc thực hiện đề tài, luận văn đã tiến hành thu thập các nguồn thông tin sau: Các tài liệu, giáo trình về lý thuyết phân tích tài chính; Kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (trong các tạp chí, báo cáo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học... có liên quan tới vấn đề phân tích tài chính doanh nghiệp); Chủ trương chính sách liên quan đến nội dung nghiên cứu (chủ yếu là các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước điều chỉnh các nội dung liên quan đến tài chính doanh nghiệp)

1.6.2 Phương pháp nghiên cứu định lượng

Số liệu phục vụ nghiên cứu của đề tài chủ yếu là các báo cáo tài chính của Công ty qua các năm, số liệu thống kê ngành...

1.7. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu ***“Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh”*** có những đóng góp quan trọng về lý luận và thực tiễn:

Về mặt lý luận: Mặc dù phân tích tài chính doanh nghiệp là một đề tài không mới, nhưng đề tài ***“Xây dựng hệ thống phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh”*** sẽ hệ thống hóa những khái niệm và hệ thống chỉ tiêu phân tích, xây dựng được hệ thống chỉ tiêu phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, người đọc có thể sử dụng tài liệu này để khái quát lên các nội dung trong phân tích tài chính của doanh nghiệp bất kỳ.

Về mặt thực tiễn: Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính phù hợp sẽ giúp cho Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh có thể thực hiện tốt hơn phân tích tài chính, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính. Bên cạnh đó, thông qua xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh sẽ giúp các doanh nghiệp trong ngành khác rút ra được bài học kinh nghiệm trong công tác phân tích tài chính doanh nghiệp.

1.8. Nội dung chi tiết

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Danh mục từ viết tắt, Danh mục bảng biểu, sơ đồ, hình, Danh mục tài liệu tham khảo và Phần phụ lục, nội dung chính của luận văn được chia làm 4 chương:

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu

Chương 2: Những vấn đề lý luận cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp và hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp

Chương 3: Thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH Minh Thịnh

Chương 4: Đề xuất xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

CHƯƠNG 2: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP VÀ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của công tác phân tích tài chính doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm

Tài chính doanh nghiệp được hiểu là những quan hệ giá trị giữa doanh nghiệp với các chủ thể trong nền kinh tế. Các quan hệ tài chính doanh nghiệp chủ yếu bao gồm: Quan hệ giữa doanh nghiệp với nhà nước, quan hệ giữa doanh nghiệp với thị trường tài chính, quan hệ giữa doanh nghiệp với các thị trường khác, quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp [5,tr.8-9]

Phân tích tài chính là sử dụng một tập hợp các khái niệm , phương pháp và công cụ để thu thập và xử lý các thông tin kế toán và các thông tin khác trong quản lý doanh nghiệp, nhằm đánh giá tình hình tài chính, khả năng và tiềm lực của doanh nghiệp, giúp người sử dụng thông tin đưa ra các quyết định tài chính, quyết định quản lý phù hợp [5,tr.66]

2.12. Mục tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp

Để trở thành một công cụ đắc lực giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp có được các quyết định đúng đắn trong kinh doanh, phân tích tài chính doanh nghiệp cần đạt được các mục tiêu sau [9,tr.16]:

- Đánh giá chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp trên các khía cạnh khác nhau như cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán, lưu chuyển tiền tệ, hiệu quả sử dụng tài sản, khả năng sinh lãi, rủi ro tài chính...nhằm đáp ứng thông tin cho tất cả các đối tượng quan tâm đến hoạt động của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, cung cấp tín dụng, quản lý doanh nghiệp, cơ quan thuế, người lao động...

- Định hướng các quyết định của các đối tượng quan tâm theo chiều hướng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp như quyết định đầu tư, tài trợ, phân chia lợi nhuận...

- Trở thành cơ sở cho các dự báo tài chính, giúp người phân tích dự đoán được tiềm năng tài chính của doanh nghiệp trong tương lai;

- Là công cụ để kiểm soát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu kết quả đạt được so với các chỉ tiêu kế hoạch, dự toán, định mức... Từ đó, xác định được những điểm mạnh và điểm yếu trong hoạt động kinh doanh, giúp cho doanh nghiệp có được những quyết định và giải pháp đúng đắn, đảm bảo kinh doanh đạt hiệu quả cao. Mục tiêu này đặc biệt quan trọng với các nhà quản trị doanh nghiệp.

Để đạt được các mục tiêu nói trên cần có một hệ thống chỉ tiêu phân tích phù hợp được xây dựng theo đặc điểm và yêu cầu của doanh nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của các nhà quản trị doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm.

2.1.3. Tầm quan trọng của công tác phân tích tài chính trong doanh nghiệp

Trong sự phát triển không ngừng của nền kinh tế đặc biệt là nền kinh tế thị trường chịu sự chi phối bởi các quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh... và chịu sự quản lý của Nhà nước các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế không chỉ phát triển lên bằng chính nội lực của mình mà còn phụ thuộc vào các yếu tố xung quanh, làm thế nào để doanh nghiệp có thể đưa ra định hướng phát triển của mình và thực hiện được những mục tiêu đề ra là câu hỏi mà các doanh nghiệp luôn đặt ra. Công tác phân tích tài chính giúp trả lời câu hỏi đó, mức độ chính xác, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào thông tin đưa ra từ phân tích tài chính. Bên cạnh đó, những kết luận đưa ra từ quy trình phân tích tài chính còn cung cấp cho các cơ quan quản lý cấp trên, nhà đầu tư, ngân hàng người lao động nắm bắt

được những thông tin phục vụ cho mục tiêu của mình. Phân tích tài chính không chỉ phục vụ cho doanh nghiệp mà còn cho tất cả các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp trên các góc độ khác nhau.

– ***Đối với những người quản lý doanh nghiệp***

Mục tiêu tiên quyết của các nhà quản trị doanh nghiệp đó là điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Những thông tin mà phân tích báo cáo tài chính cung cấp sẽ giúp các nhà quản trị trả lời được các câu hỏi như: chọn phương án nào sẽ cho hiệu quả cao nhất? Nên huy động nguồn đầu tư nào? Từ đó, các nhà quản trị doanh nghiệp có thể lập được kế hoạch cho tương lai, đưa ra các quyết định đầu tư dài hạn, hay là đưa ra các chiến lược sản phẩm và thị trường.

– ***Đối với các cơ quan chức năng, cơ quan Nhà nước có liên quan***

Dựa vào các báo cáo tài chính của doanh nghiệp để phân tích đánh giá, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động tài chính tiền tệ của doanh nghiệp có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước hay không, có tuân theo pháp luật hay không đồng thời sự giám sát này giúp cơ quan thẩm quyền có thể hoạch định chính sách một cách phù hợp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả. Giúp Nhà nước đưa những kế hoạch phát triển ở tầm vĩ mô sao cho mang lại lợi ích thiết thực nhất.

– ***Đối với các nhà đầu tư***

Các nhà đầu tư là các doanh nghiệp và cá nhân quan tâm trực tiếp đến các giá trị của doanh nghiệp vì họ là người đã giao vốn cho doanh nghiệp và có thể phải chịu rủi ro. Thu nhập của họ là tiền chia lợi tức và giá trị gia tăng thêm của vốn đầu tư. Hai yếu tố này chịu ảnh hưởng của lợi nhuận kỳ vọng của doanh nghiệp. Các nhà đầu tư thường không hài lòng với lợi nhuận mà doanh nghiệp đạt được theo tính toán trên sổ sách. Dự kiến trước lợi nhuận sẽ đạt được là mối quan tâm thực sự của nhà đầu tư. Thông qua sự phân tích

dựa trên các báo cáo tài chính, phân tích khả năng sinh lời, mức độ rủi ro và sự phân tích diễn biến giá cả, các nhà đầu tư sẽ đưa ra các quyết định của chính mình.

– *Đối với ngân hàng, các nhà cho vay tín dụng, các đối tác kinh doanh và các tổ chức khác*

Những đối tượng này quan tâm đến khả năng thanh toán công nợ, khả năng hợp tác liên doanh của doanh nghiệp, cho nên cũng cần phân tích và đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các chủ nợ, họ quan tâm tới khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp nếu đó là các khoản vay ngắn hạn, đối với khoản vay dài hạn họ phải tin chắc khả năng hoàn trả khi xem xét khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Song quan trọng nhất đó là cơ cấu tài chính biểu hiện mức độ mạo hiểm của doanh nghiệp đi vay. Các đối tác kinh doanh còn xem xét đến khả năng hợp tác của doanh nghiệp thông qua tình hình chấp hành các chế độ, khả năng, tiềm năng kinh tế tài chính của DN.

– *Đối với những người hưởng lương trong doanh nghiệp*

Những người hưởng lương trong doanh nghiệp cũng quan tâm đến tình hình tài chính, bởi lợi ích của họ gắn liền với hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Người lao động quan tâm đến các thông tin và số liệu tài chính để đánh giá, xem xét triển vọng của nó trong tương lai. Những người đi tìm việc đều có nguyện vọng được vào làm việc trong các công ty có triển vọng với tương lai lâu dài để hy vọng có mức lương xứng đáng và chỗ làm việc ổn định.

Tóm lại, công tác phân tích tài chính trong doanh nghiệp là một công việc vô cùng quan trọng và cần thiết. Qua các công cụ tài chính, ta có thể củng cố những điểm mạnh, đề ra các giải pháp nhằm củng cố, hoàn thiện hơn

công tác phân tích tài chính của công ty. Điều đó hỗ trợ rất lớn trong việc đưa ra những quyết định tài chính và đầu tư phù hợp.

2.2. Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp

2.2.1. Bản chất của hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính

Trong phân tích tài chính thì chỉ tiêu chính là đối tượng mà phân tích hướng vào, thông qua việc vận dụng các phương pháp và kỹ thuật để tính toán, phân tích các chỉ tiêu, từ đó làm căn cứ cho việc ra các quyết định khác nhau. Tập hợp các chỉ tiêu tài chính hình thành hệ thống chỉ tiêu tài chính. Hệ thống này có thể được sắp xếp theo một trình tự nhất định, phản ánh tình hình và các quan hệ tài chính. Hệ thống chỉ tiêu tài chính là công cụ đắc lực giúp các chủ thể quản lý ra các quyết định..

Hệ thống chỉ tiêu phân tích là nội dung cơ bản của hoạt động phân tích tài chính, nó quyết định tới việc ra quyết định tài chính của doanh nghiệp. Thông qua hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính nắm được tình trạng tài chính, sức mạnh tài chính, an ninh tài chính, phân tích được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua phân tích hệ thống chỉ tiêu tài chính là cách tiếp cận khoa học, chính xác.

Theo PGS.TS.Nguyễn Ngọc Quang - Trường Đại học Kinh tế quốc dân, trong luận án tiến sỹ của mình có đưa ra quan điểm về bản chất hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính : *“Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính là tổng thể các chỉ tiêu tài chính sắp xếp theo một trình tự nhất định nhằm đánh giá hoạt động tài chính của doanh nghiệp theo yêu cầu của cấp quản lý”*

Cũng theo một nhà khoa học khác thuộc trường Đại Học Kinh tế quốc Dân là TS Trần Quý Liên thì *“Hệ thống chỉ tiêu tài chính là một bảng tổng hợp các chỉ tiêu tài chính nhằm phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp phục vụ cho các đối tượng có nhu cầu”* (Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp nhằm tăng cường công tác kiểm toán - Tạp

chí Kiểm toán)

Hai nhà khoa học trên đều thống nhất ở quan điểm hệ thống chỉ tiêu là bảng tổng hợp các chỉ tiêu và bảng tổng hợp này được sắp xếp, phản ánh tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm phục vụ các mục đích khác nhau của các chủ thể sử dụng thông tin.

Dựa trên quan điểm của các nhà khoa học trên, theo tác giả thì “Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính là tổng thể các chỉ tiêu tài chính mà thông qua đó có thể tiến hành phân tích, đánh giá cũng như dự đoán tình hình tài chính của doanh nghiệp một cách toàn diện đầy đủ, chính xác làm cơ sở cho việc đưa ra quyết định của các chủ thể sử dụng”.

2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính

Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính có ý nghĩa quan trọng với nhiều đối tượng sử dụng thông tin khác nhau, ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư, quyết định quản trị,... Tuy nhiên, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính chỉ thực sự phát huy tác dụng khi nó phản ánh được một cách toàn diện, đầy đủ và chi tiết tình hình tài chính của doanh nghiệp. Muốn vậy, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính phải toàn diện, đầy đủ, có độ tin cậy cao, cán bộ phân tích phải có trình độ chuyên môn giỏi. Ngoài ra, sự tồn tại của hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cũng như độ tin cậy của hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính. Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính của doanh nghiệp được chia làm 2 nhóm là các nhân tố khách quan và các nhân tố chủ quan.

2.2.2.1. Nhân tố khách quan ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính

Nhân tố khách quan ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính bao gồm : tính kịp thời, chất lượng thông tin sử dụng, hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành.

Chất lượng thông tin sử dụng trong phân tích tài chính là nền tảng của độ tin cậy của hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính. Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định chất lượng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính, bởi một khi thông tin sử dụng không chính xác, không phù hợp thì kết quả mà hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính đem lại chỉ là hình thức, không có ý nghĩa thực tiễn. Từ những thông tin bên trong trực tiếp phản ánh tài chính doanh nghiệp đến những thông tin bên ngoài liên quan đến môi trường hoạt động của doanh nghiệp, người sử dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp có thể thấy được tình hình tài chính doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và dự đoán xu hướng phát triển trong tương lai.

Tình hình nền kinh tế trong và ngoài nước không ngừng biến động, tác động hàng ngày đến điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp. Hơn nữa, tiền lại có giá trị theo thời gian, một đồng tiền hôm nay có giá trị khác một đồng tiền trong tương lai. Do đó, tính kịp thời, giá trị dự đoán là đặc điểm cần thiết làm nên sự phù hợp của thông tin. Thiếu đi sự phù hợp và chính xác, thông tin không còn độ tin cậy và điều này tất yếu ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp sẽ trở nên đầy đủ và có ý nghĩa hơn nếu có sự tồn tại của hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành. Đây là cơ sở tham chiếu quan trọng khi xây dựng cũng như sử dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp. Người ta chỉ có thể nói các tỷ lệ tài chính của một doanh nghiệp là cao hay thấp, tốt hay xấu khi đem so sánh với các tỷ lệ tương ứng của doanh nghiệp khác có đặc điểm và điều kiện sản xuất kinh doanh tương tự mà đại diện ở đây là chỉ tiêu trung bình ngành. Thông qua đối chiếu với hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành, các chủ thể sử dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp có thể đánh giá, xem xét tình trạng tài chính để nhận thức vị trí của mình nhằm đưa

ra những chính sách đúng đắn, phù hợp.

2.2.2.2. Nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính

Các nhân tố chủ quan ảnh hưởng đến độ tin cậy của hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính bao gồm: cơ cấu tổ chức, chiến lược kinh doanh, các nguồn lực, quy trình hoạt động của .. và đặc biệt là trình độ phân tích của các chủ thể sử dụng thông tin.

Có được hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp phù hợp và chính xác nhưng sử dụng hệ thống chỉ tiêu đó như thế nào để đưa lại quyết định đúng đắn lại là điều không đơn giản. Nó phụ thuộc rất nhiều vào trình độ của chủ thể sử dụng thông tin từ hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính. Từ các thông tin thu thập được, các chủ thể sử dụng phải tính toán các chỉ tiêu, thiết lập các bảng biểu. Tuy nhiên, đó chỉ là những con số và nếu chúng đứng riêng lẻ thì tự chúng sẽ không nói lên điều gì. Nhiệm vụ của các chủ thể sử dụng là phải gắn kết, tạo lập mối liên hệ giữa các chỉ tiêu, kết hợp với các thông tin về điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp để lý giải tình hình tài chính của doanh nghiệp, xác định thế mạnh, điểm yếu cũng như nguyên nhân dẫn đến điểm yếu trên. Hay nói cách khác, các chủ thể sử dụng phải là người làm cho hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trở nên hữu ích trong việc ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn.

2.2.3. Căn cứ xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp

Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp được xây dựng chủ yếu dựa trên các căn cứ sau:

- Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính được xây dựng dựa trên các nội dung phân tích đã đề ra theo yêu cầu quản lý tài chính của doanh nghiệp. Thông thường các nội dung phân tích bao gồm phân tích khái quát tình hình tài chính, khả năng thanh toán, phân tích luồng tiền, phân tích hiệu quả sử dụng tài sản và phân tích khả năng sinh lời. Tuy nhiên, với những doanh

nghiệp khác nhau có thể có những yêu cầu khác nhau về nội dung phân tích.

- Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính được xây dựng dựa trên đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những doanh nghiệp thuộc các ngành kinh doanh khác nhau có các đặc thù về hoạt động kinh doanh khác nhau. Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính được xây dựng dựa trên các đặc điểm này mới giúp cho người phân tích đánh giá được chuẩn xác tình hình tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cần được xây dựng dựa trên nhu cầu thông tin của các chủ thể phân tích hay các đối tượng quan tâm. Mỗi đối tượng lại có sự quan tâm đến các khía cạnh khác nhau. Nhà đầu tư sẽ quan tâm trước hết đến khả năng sinh lời, bên cạnh đó là mức độ tự chủ về tài chính nhằm đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Các nhà cung cấp tín dụng dài hạn sẽ quan tâm nhiều đến mức độ tự chủ tài chính và bên cạnh đó là khả năng sinh lời nhằm đảm bảo khả năng doanh nghiệp sẽ tồn tại lâu dài và thanh toán được các khoản nợ dài hạn. Còn các nhà cung cấp tín dụng ngắn hạn thường quan tâm đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn nhằm đảm bảo các khoản cho vay nợ ngắn hạn của họ được thu hồi. Các nhà quản lý của doanh nghiệp thường phải quan tâm đến tất cả các khía cạnh phân tích để có các quyết định phù hợp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính được xây dựng vừa cần phản ánh tổng quát tình hình tài chính, vừa cần phản ánh chi tiết phù hợp với nhu cầu thông tin của các đối tượng khác nhau.

- Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính được xây dựng trên cơ sở các loại hình phân tích được lựa chọn theo yêu cầu của quản lý. Phân tích có nhiều loại hình như phân tích toàn diện, phân tích chuyên đề, phân tích tổng thể, phân tích bộ phận... Mỗi loại hình phân tích có yêu cầu về loại thông tin khác nhau, mức độ tổng hợp hay chi tiết của thông tin cũng khác nhau. Do đó,

hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cần được xây dựng để có thể vừa phản ánh khái quát tình hình tài chính vừa phản ánh chi tiết theo yêu cầu của các loại hình phân tích cụ thể.

Bên cạnh các căn cứ trên, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp còn cần được xây dựng dựa trên cơ sở loại hình phân tích và chế độ chính sách tài chính kế toán hiện hành. Điều này có thể đảm bảo cho doanh nghiệp có khả năng đáp ứng yêu cầu về báo cáo các chỉ tiêu phân tích tài chính theo quy định. Mặt khác, điều này sẽ đảm bảo tính khả thi cho việc tính toán các chỉ tiêu dựa trên cơ sở các số liệu kế toán tài chính sẵn có.

2.2.4. Nguyên tắc xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp

Các nguyên tắc cơ bản khi xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp bao gồm:

- *Nguyên tắc toàn diện*: Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính sau khi xây dựng và hoàn thiện phải phản ánh được tình hình tài chính của doanh nghiệp trên tất cả các khía cạnh khác nhau.

- *Nguyên tắc đặc thù*: Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính ngoài các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính chung còn phải bao gồm các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính riêng mang tính đặc thù cho các ngành nghề kinh doanh khác nhau.

- *Nguyên tắc hiệu quả*: Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính phải được xây dựng trên cơ sở phục vụ có hiệu quả việc cung cấp thông tin cho các chủ thể sử dụng.

- *Nguyên tắc trọng yếu*: Hệ thống chỉ tiêu tài chính cũng cần được xây dựng trên cơ sở phản ánh những nội dung trọng yếu của tình hình tài chính doanh nghiệp.

- *Nguyên tắc dễ hiểu*: Hệ thống chỉ tiêu tài chính cần được xây dựng

trên cơ sở phục vụ việc cung cấp thông tin cho đa dạng các chủ thể sử dụng, do đó các chỉ tiêu trong hệ thống cần được trình bày một cách đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu.

- *Nguyên tắc phù hợp*: Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính phải được xây dựng trên cơ sở tuân thủ luật, chế độ, chuẩn mực kế toán, và chính sách, quy định hiện hành.

2.2.5. Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp

Theo quan điểm của các tác giả như: Gibson, Bititci US,.. thì các chỉ tiêu thường được sử dụng khi phân tích tài chính doanh nghiệp bao gồm:

- Nhóm chỉ tiêu phân tích tính thanh khoản
- Nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả
- Nhóm chỉ tiêu phân tích đòn bẩy tài chính
- Nhóm chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lợi

***Nhóm chỉ tiêu phân tích tính thanh khoản**

Tài sản được coi là có tính thanh khoản cao nếu tồn tại dưới hình thái tiền hoặc dễ dàng được chuyển đổi thành tiền trong thời gian ngắn với chi phí thấp như các chứng khoán dễ bán. Các nhà cung cấp tín dụng thường rất quan tâm đến các hệ số thanh khoản với vì chúng cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Hai hệ số thường xuyên được sử dụng để đánh giá khả năng thanh khoản của doanh nghiệp là hệ số thanh toán hiện thời (current ratio) và hệ số thanh toán nhanh (quick ratio).

Hệ số thanh toán hiện thời: phản ánh khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp cao hay thấp.

$$\text{Hệ số thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Các tài sản ngắn hạn là những tài sản có thời gian sử dụng ngắn, có khả năng chuyển đổi thành tiền trong khoảng thời gian 1 năm hoặc trong một chu

kỳ kinh doanh. Tương tự như các tài sản ngắn hạn, các khoản nợ ngắn hạn cũng là những khoản nợ có kỳ hạn thanh toán trong vòng 1 năm.

Hệ số thanh toán hiện thời cho biết giá trị tài sản ngắn hạn lớn gấp bao nhiêu lần số nợ phải trả. Nếu hệ số này lớn hơn 1 có nghĩa là giá trị tài sản ngắn hạn nhiều hơn số nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Hệ số này càng lớn thì khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp càng cao nhưng cũng cho thấy doanh nghiệp đã đầu tư quá nhiều vốn vào tài sản ngắn hạn hoặc các khoản vay ngắn hạn còn thấp. Các chủ nợ ngắn hạn thường thích các doanh nghiệp duy trì hệ số này ở mức cao vì như vậy mức độ rủi ro đối với các khoản cho vay của họ sẽ thấp hơn. Ngược lại, các chủ sở hữu lại thích doanh nghiệp duy trì hệ số này ở mức thấp nhất để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản. Nếu hệ số hiện thời thấp chúng ta có thể dự đoán doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn khi trả các khoản nợ ngắn hạn. Tùy theo từng ngành sản xuất mà hệ số này được duy trì ở mức khác nhau. Thông thường các doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh ngắn thường duy trì hệ số thanh toán hiện thời cao để đáp ứng nhu cầu thanh toán của họ. Đối với doanh nghiệp, hệ số thanh toán hiện thời thấp cũng là chỉ báo cho thấy doanh nghiệp cần phải tăng các tài sản ngắn hạn như tiền, chứng khoán ngắn hạn, hàng tồn kho và các khoản phải thu hoặc duy trì các khoản nợ ngắn hạn ở mức hợp lý để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ này.

Hệ số thanh toán nhanh

Hệ số thanh toán hiện thời chưa phản ánh đầy đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp bởi vì trong tài sản ngắn hạn vẫn có một số tài sản có tính thanh khoản thấp như các loại sản phẩm bị lỗi mốt, vật liệu chất lượng kém, v.v... Để đánh giá đúng khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp, người ta sử dụng thêm hệ số thanh toán nhanh. Hệ số thanh toán nhanh loại trừ ảnh hưởng của hàng tồn kho và được xác định như sau:

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Một chỉ tiêu nữa cũng hay được sử dụng để đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp là chỉ tiêu thanh toán tức thời (Cash Ratio). Chỉ tiêu này phản ánh khả năng doanh nghiệp có thể thanh toán ngay các khoản nợ bằng số tiền và các khoản tương đương hiện có. Chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Tổng số nợ ngắn hạn}}$$

Các khoản tương đương tiền trong công thức này gồm các loại chứng khoán ngắn hạn mà doanh nghiệp mua vào để dự định bán trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

***Nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả**

Các chỉ tiêu này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp nên còn được gọi là các hệ số hiệu quả sử dụng tài sản (asset turnover ratios) hay hệ số hoạt động. Các hệ số thường được sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của công ty là hệ số vòng quay tổng tài sản (total asset turnover), hệ số vòng quay TSCĐ (fixed – asset turnover), hệ số thu nợ (receivables turnover) và hệ số quay vòng hàng tồn kho (inventory turnover).

Hệ số vòng quay tổng tài sản cho biết 1 đồng tài sản của doanh nghiệp tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Hệ số này càng cao chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng tài sản có hiệu quả. Để tính hệ số này người ta lấy doanh thu thuần chia cho tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp theo công thức sau:

$$\text{Hệ số vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Do giá trị tài sản của công ty thay đổi trong năm nên trong công thức này người ta lấy bình quân giá trị tài sản đầu và cuối năm.

Hệ số vòng quay TSCĐ: Để đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp, người ta tính hệ số vòng quay TSCĐ bằng cách lấy doanh thu thuần chia cho giá trị TSCĐ bình quân (giá trị còn lại).

$$\text{Hệ số vòng quay TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Giá trị TSCĐ bình quân}}$$

Hệ số thu nợ cho biết khả năng thu hồi nợ của doanh nghiệp. Hệ số này càng cao thể hiện khả năng thu hồi công nợ của doanh nghiệp. Hệ số thu nợ được tính như sau:

$$\text{Hệ số thu nợ} = \frac{\text{Doanh thu bán chịu trong năm}}{\text{Số tiền phải thu}}$$

Hệ số thu nợ có thể được thể hiện bằng số ngày thu nợ bình quân trong năm để đánh giá việc thu nợ của doanh nghiệp. Kỳ thu nợ của doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Kỳ thu nợ (ngày)} = \frac{\text{Số tiền phải thu}}{\text{Doanh thu bán chịu bình quân 1 ngày}} = \frac{\text{Số tiền phải thu}}{\text{Doanh thu bán chịu trong năm/365 ngày}}$$

Kỳ thu nợ đo lường thời gian thu nợ bình quân của doanh nghiệp. Kỳ thu nợ càng ngắn thì doanh nghiệp càng có lợi do tránh được vốn kinh doanh bị chiếm dụng. Tuy nhiên, kỳ thu nợ ngắn lại thể hiện chính sách tín dụng thắt chặt và do vậy nó có thể làm cho doanh thu tiêu thụ của doanh nghiệp bị giảm.

Chỉ tiêu thứ hai được sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản là hệ số quay vòng hàng tồn kho. Hệ số này được tính bằng cách chia giá vốn hàng bán cho số dư bình quân của hàng tồn kho trong kỳ.

$$\text{Hệ số quay vòng hàng tồn kho (vòng)} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

Trong công thức này, số dư bình quân của hàng tồn kho trong kỳ được tính bằng bình quân hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ. Chỉ tiêu này phản ánh vòng quay hàng tồn kho đạt được trong kỳ của DN. Chỉ tiêu này càng cao có nghĩa là tốc độ luân chuyển hàng tồn kho nhanh, thời gian lưu kho ngắn, chứng tỏ DN quản lý tốt hàng tồn kho, do đó, tiết kiệm được số vốn đầu tư vào hàng tồn kho.

Hiệu quả sử dụng hàng tồn kho còn được thể hiện bằng chỉ tiêu số ngày tồn kho (inventory period) được tính bằng giá trị hàng tồn kho chia cho giá vốn hàng bán trong 1 ngày.

$$\text{Số ngày tồn kho (ngày)} = \frac{365}{\text{Hệ số quay vòng hàng tồn kho}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một vòng quay của hàng tồn kho mất bao nhiêu ngày. Chỉ tiêu thấp chứng tỏ hàng tồn kho vận động nhanh, đây là nhân tố góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của DN.

***Nhóm chỉ tiêu phân tích đòn bẩy tài chính**

Khi vay nợ, ngoài việc phải trả lại cho chủ nợ tiền gốc khi đáo hạn, định kỳ công ty phải thanh toán lãi vay. Nếu công ty kinh doanh phát đạt, lợi nhuận ngày một tăng thì ngoài phần thanh toán lãi vay cố định cho chủ nợ, các cổ đông sẽ được hưởng phần lợi nhuận còn lại. Ngược lại, nếu công ty gặp khó khăn, kinh doanh bị thua lỗ thì khoản lãi vay sẽ là gánh nặng làm cho công ty bị thua lỗ nặng hơn. Các khoản nợ vay tạo ra đòn bẩy làm tăng thu nhập cho công ty khi kinh doanh thuận lợi và giảm thu nhập khi thua lỗ. Các hệ số đòn bẩy thường được sử dụng là *hệ số tổng nợ*, *hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu*, và *hệ số chi trả lãi vay*.

Hệ số tổng nợ được xác định dựa vào giá trị kế toán của tài sản theo công thức:

$$\text{Hệ số tổng nợ} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Hệ số tổng nợ còn được gọi là hệ số nợ. Khi lựa chọn khách hàng để cho vay các nhà cung cấp tín dụng thường muốn công ty có hệ số nợ thấp vì nó thể hiện khả năng đảm bảo thanh toán nợ bằng các tài sản của công ty. Một công ty có hệ số nợ cao nghĩa là nó đã vay quá nhiều. Đồng hành với vay nhiều là công ty phải trả lãi cao và khả năng đảm bảo thanh toán nợ bằng các tài sản của nó giảm đi và rủi ro cho các khoản vay tăng lên.

Chỉ tiêu thứ hai cũng được sử dụng để đánh giá đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp là hệ số vốn chủ sở hữu. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cho biết 100 đồng vốn chủ sở hữu đối ứng với bao nhiêu đồng nợ của doanh nghiệp. Để tính hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu người ta lấy tổng nợ chia cho tổng vốn chủ sở hữu theo công thức:

$$\text{Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}}$$

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đôi khi được tính bằng tỷ lệ giữa các khoản nợ dài hạn so với vốn chủ sở hữu vì nó cung cấp thông tin cụ thể hơn về sự đảm bảo thanh toán các khoản nợ bằng vốn của chủ sở hữu. Rủi ro cho các khoản nợ dài hạn càng giảm khi tỷ lệ này càng thấp.

Các hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cho biết tình trạng tài chính của công ty và ảnh hưởng của đòn cân nợ. Các ngân hàng và các tổ chức tín dụng thường căn cứ vào các hệ số này để xác định số tiền mà công ty có thể được vay. Tuy nhiên, gánh nặng tài chính àm doanh nghiệp phải chịu không phụ thuộc vào các hệ số này mà phụ thuộc vào khả năng chi trả lãi vay của công ty hàng năm.

Hệ số thanh toán lãi vay cho biết khả năng trang trải các khoản vay từ thu nhập trước thuế và lãi vay của doanh nghiệp. Hệ số này được tính như sau:

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)}}{\text{Chi phí lãi vay}}$$

***Nhóm chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lợi**

Các hệ số sinh lợi cung cấp thông tin về thành công của doanh nghiệp trong việc tìm kiếm lợi nhuận. Các hệ số sinh lợi thường được sử dụng để đo lường khả năng sinh lợi của doanh nghiệp là *tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu*, *suất sinh lời trên tài sản* (return on assets - ROA), *suất sinh lời trên doanh thu* (ROS) và *suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu* (return on equity - ROE).

Tỷ lệ lợi nhuận gộp cận biên đo lường mức lợi nhuận gộp mà doanh nghiệp thu được trên mỗi đồng doanh thu tăng thêm. Để xác định tỷ lệ này người ta lấy phần còn lại của doanh thu sau khi trừ đi giá vốn hàng bán chia cho doanh thu bán hàng trong kỳ. Công thức để tính tỷ lệ lợi nhuận gộp cận biên như sau:

$$\text{Tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu} = \frac{\text{Doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Doanh thu}}$$

Suất sinh lợi trên tài sản được sử dụng để đo lường hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp. Công thức xác định suất sinh lời trên tài sản của doanh nghiệp như sau:

$$\text{Suất sinh lời trên tài sản (ROA)} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ suất sinh lời trên doanh thu cho biết với một đồng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Tỷ suất

này càng lớn thì hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp càng cao. Hệ số này được tính như sau:

$$\text{Suất sinh lời trên doanh thu (ROS)} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu là thước đo dùng để đo lường lợi nhuận thu được từ mỗi đồng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Hệ số này được tính như sau:

$$\text{Suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)} = \frac{\text{Lợi nhuận ròng}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Mục tiêu của quản trị tài chính là tối đa hóa thu nhập trên mỗi đồng vốn của chủ sở hữu, vì vậy suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu là thước đo đánh giá hiệu quả và sự thành công trong kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3. Tổ chức công tác phân tích tài chính

Phân tích tài chính doanh nghiệp cần được thực hiện theo một tiến trình nghiêm ngặt từng bước một, không được bỏ qua hoặc đảo ngược quy trình đó. Có như vậy những kết quả được đưa ra từ công tác phân tích tài chính mới có hiệu quả, mới đáp ứng được những yêu cầu từ những người sử dụng thông tin phân tích tài chính. Phân tích tài chính doanh nghiệp thông thường phải trải qua các giai đoạn sau:

2.3.1. Lập kế hoạch phân tích

Đây là giai đoạn đầu tiên, rất quan trọng và ảnh hưởng đến chất lượng, thời gian và nội dung của công việc phân tích tài chính. Giai đoạn lập kế hoạch được tiến hành chu đáo, tỉ mỉ sẽ giúp cho các giai đoạn sau tiến hành đạt kết quả tốt. Kế hoạch phân tích phải được xác định cả về nội dung, phạm vi, thời gian và cách thức tổ chức phân tích.

* **Nội dung phân tích:** Có thể phân tích toàn diện hoặc chỉ phân tích một số vấn đề cụ thể.

* **Phạm vi phân tích:** Có thể phân tích toàn bộ hay chỉ phân tích một vài bộ phận được chọn làm trọng điểm, căn cứ vào đó để xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích phù hợp.

* **Thời gian phân tích:** Lựa chọn thời điểm phân tích phù hợp với yêu cầu của đơn vị.

* **Phân công trách nhiệm phân tích:** Mỗi phân hành trong công tác phân tích sẽ được phân công cụ thể cho từng cá nhân hoặc từng nhóm phụ trách, theo sát từ đầu đến cuối công việc phân tích hoặc phụ trách từng công đoạn phân tích.

2.3.2. Thu thập thông tin

Trong phân tích tài chính, nhà phân tích phải thu thập, sử dụng mọi nguồn thông tin: từ thông tin nội bộ doanh nghiệp đến những thông tin bên ngoài doanh nghiệp, từ thông tin số lượng đến thông tin giá trị. Những thông tin đó đều giúp nhà phân tích có thể đưa ra được những nhận xét, kết luận tinh tế và thích đáng.

Ø Dữ liệu bên trong doanh nghiệp:

Thông tin bên trong doanh nghiệp bao gồm cả các thông tin tài chính và phi tài chính.

- Các thông tin phi tài chính là thông tin về quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm của từng phòng ban, tình hình quản lý, tình hình kiểm toán, kế hoạch hoạt động...

- Các thông tin tài chính của doanh nghiệp là các thông tin về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, tình hình tạo lập, phân phối và sử dụng vốn, tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp... Các thông tin này được lưu trữ trong sổ sách kế toán doanh nghiệp, được phản ánh đầy đủ qua hệ thống báo cáo của doanh nghiệp: Báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo thống kê... Đây là nguồn dữ liệu

quan trọng giúp các nhà phân tích xem xét đánh giá các mặt khác nhau trong hoạt động tài chính được đầy đủ và chính xác.

Các thông tin cần thu thập cho hoạt động phân tích tài chính của doanh nghiệp khá phong phú và đa dạng, có một số thông tin được công khai, dễ dàng tìm kiếm qua các kênh thông tin, có những thông tin chỉ được lưu trữ nội bộ doanh nghiệp. Do đó, để có những thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình phân tích tài chính, người làm công tác phân tích phải sưu tầm đầy đủ thông tin phù hợp liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo thông tin đủ về số lượng và chất lượng .

Ø Dữ liệu bên ngoài doanh nghiệp

- Thông tin về nền kinh tế và các chính sách kinh tế đang có hiệu lực như: các thông tin về tình hình kinh tế, trạng thái của nền kinh tế, tình trạng lạm phát, chính sách thuế, tiến bộ khoa học kỹ thuật...các thông tin về cơ hội kinh tế, cơ hội đầu tư, môi trường kinh tế chính trị , môi trường pháp lý...Nhà phân tích cần tìm hiểu các văn bản pháp lý, các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các thông tin này có ảnh hưởng đến chiến lược và chính sách kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

- Thông tin về ngành nghề kinh doanh: bên cạnh các thông tin chung của nền kinh tế, các nhà phân tích cần thu thập các thông tin về ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, các báo cáo thông kê về số lượng doanh nghiệp trong ngành, thị phần doanh nghiệp, cơ cấu ngành...Các thông tin này có ảnh hưởng đến khả năng sinh lời, vòng quay vốn, độ lớn thị trường và các triển vọng kinh tế.

2.3.3. Giai đoạn tiến hành phân tích

Công tác phân tích tài chính dựa trên cơ sở các yêu cầu về nội dung, phương pháp phân tích đã đề ra, dựa trên các thông tin và số liệu đã thu thập và xử lý, sau đó được tiến hành như sau:

Một là đánh giá chung tình hình tài chính: sử dụng các phương pháp và các chỉ tiêu đã lựa chọn tính toán để đánh giá theo từng chỉ tiêu cụ thể, từ đó tổng kết khái quát toàn bộ xu hướng phát triển và mối quan hệ qua lại giữa các mặt hoạt động của doanh nghiệp.

Hai là xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đối với đối tượng phân tích. Tùy theo yêu cầu quản lý và điều kiện cung cấp thông tin để xác định số lượng các nhân tố sử dụng trong phân tích, qua các phương pháp phân tích mà xác định chiều hướng mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới đối tượng phân tích.

Ba là tổng hợp kết quả phân tích, rút ra kết luận, nguyên nhân tác động và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3.4. Lập báo cáo phân tích tài chính

Đây là bước cuối cùng trong việc thực hiện công tác phân tích tài chính doanh nghiệp. Kết quả phân tích phải được viết thành báo cáo gửi cho Ban giám đốc doanh nghiệp, những đối tượng có nhu cầu để phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản về phân tích tài chính và hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp. Các chỉ tiêu này được hệ thống hóa theo từng nhóm cụ thể như phân tích tính thanh khoản, đánh giá hoạt động, phân tích đòn bẩy tài chính và khả năng sinh lợi. Bên cạnh đó, quy trình tổ chức công tác phân tích cũng được đề cập và bàn luận chi tiết. Đây là cơ sở khoa học cho các nghiên cứu thực tiễn và giải pháp được đề xuất trong chương 3 và chương 4.

CHƯƠNG 3 : THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN MINH THỊNH

3.1. Tổng quan về Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển TNHH khoáng sản Minh Thịnh

Tên công ty: **CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN MINH THỊNH**

Tên tiếng Anh: **MINH THINH MINERAL COMPANY LIMITED**

Điện thoại: 04.35591496

Email: khoangsanminhthinh@gmail.com

Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh là một đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và hoạt động theo Điều lệ của Hội đồng quản trị và tuân thủ mọi chủ trương chính sách Nhà nước, chịu trách nhiệm trước toàn thể Công ty.

Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước và theo quy định của pháp luật, thực hiện nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Luật lao động. Thực hiện đúng chế độ về các báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo đó.

Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (quặng chì, kẽm, đồng...)

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi;

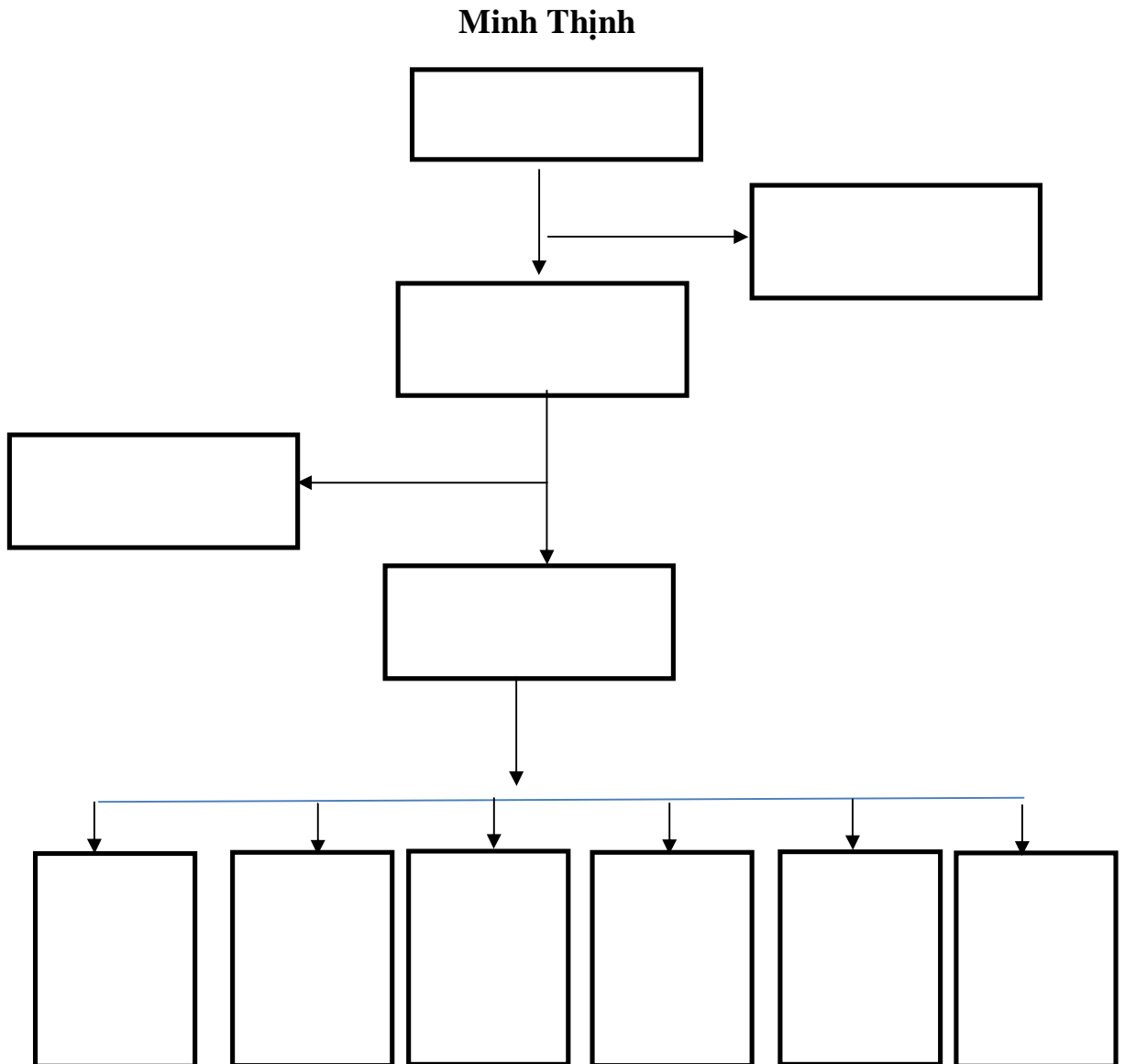
- Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính:

- Trong nước: hầu hết các tỉnh thành trên cả nước
- Nước ngoài: xuất khẩu sang Lào, Campuchia, Trung Quốc...

3.1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 3.1. Bộ máy tổ chức của Công ty TNHH khoáng sản



(Nguồn: Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh)

Mỗi bộ phận trong Công ty có chức năng riêng biệt, thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

- **Hội đồng quản trị:** Quản lý vĩ mô Công ty về tình hình tài chính, góp vốn đầu tư của các bên, tiến độ thực hiện của các dự án của công ty.

- **Ban kiểm soát:** có nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài chính của công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, tổng giám đốc, kiến nghị những biện pháp cải tiến quản lý. Ban kiểm soát công ty hoạt động độc lập với HĐQT và ban giám đốc.

- **Tổng giám đốc:** Là đại diện pháp luật của Công ty, phụ trách chung tất cả các lĩnh vực công tác, trực tiếp chỉ đạo điều hành các công tác sau: sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản, vật tư xuất nhập khẩu, tài chính, kế toán, giá cả, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, kinh tế đối ngoại, hợp tác quốc tế,..

- **Phó giám đốc:** là những người giúp việc cho Giám đốc trong quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các hoạt động đối với các lĩnh vực được phân công, phân nhiệm.

Mỗi bộ phận trong Công ty có chức năng riêng biệt, thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

- **Phòng kế hoạch kinh doanh:** Thực hiện chức năng kinh doanh của Công ty như: tìm kiếm thị trường, khai thác thị trường, tổ chức bán hàng, vận chuyển hàng hóa đến giao cho khách hàng. Hoạt động cụ thể của phòng kế hoạch kinh doanh như sau: Tìm kiếm khách hàng, ký kết hợp đồng bán hàng, kết hợp với mỏ và nhà máy giao nhận hàng hóa với khách hàng.

- **Phòng tài chính kế toán:** Thực hiện công tác ghi chép số liệu, tính giá thành, lên sổ kế toán, kê khai nộp các khoản thuế theo quy định, chịu trách nhiệm kiểm tra hoạt động tài chính, lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính

theo quy định. Kết hợp với phòng kế hoạch kinh doanh và phòng xuất nhập khẩu chuẩn bị tài chính và lên kế hoạch cho công ty.

- **Phòng xuất nhập khẩu:** Thực hiện chức năng tìm kiếm nhà cung cấp, mua vật tư, thiết bị, công cụ dụng cụ

- **Phòng đầu tư:** Thực hiện lên kế hoạch cho các dự án đầu tư mới, tìm kiếm ký kết hợp đồng với các đối tác thi công dự án, giám sát thực hiện, nghiệm thu thi công các dự án hoàn thành.

- **Phòng tổ chức hành chính:** tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý, tuyển dụng, đề bạt, bố trí, sắp xếp lao động trong toàn ngành. Theo dõi công văn đi đến, duy trì quy chế, văn hóa công ty.

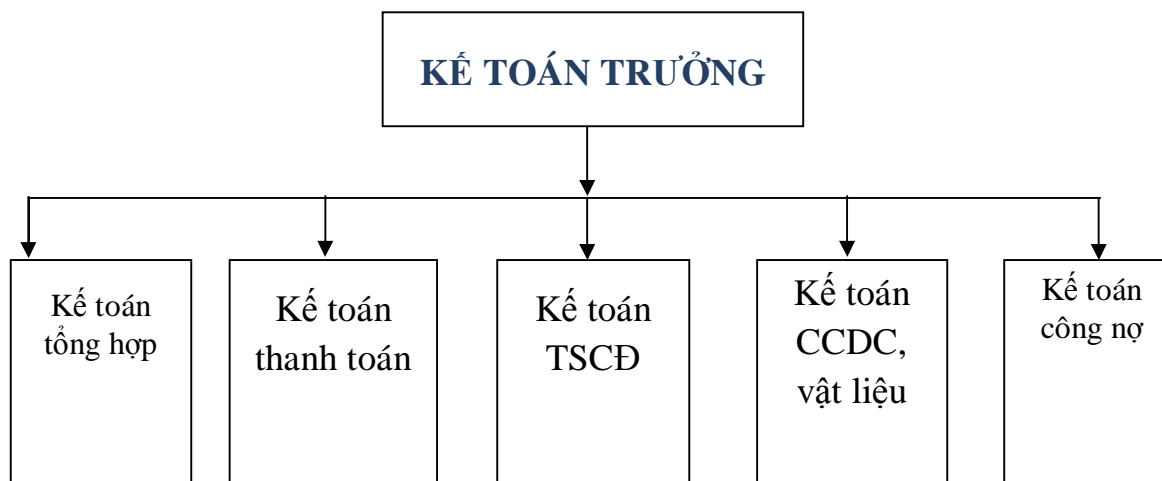
- **Phòng kỹ thuật KCS:** trách nhiệm chính đảm bảo kỹ thuật an toàn lao động, quản lý chất lượng thành phẩm của Công ty.

3.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán

Công tác hạch toán kế toán tại Công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Mọi nghiệp vụ phát sinh đều được xử lý tại phòng Tài chính-Kế toán. Đứng đầu bộ máy kế toán tại Công ty là Kế toán trưởng, đây là người trực tiếp điều hành công tác kế toán, tham mưu cho Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch tài chính, huy động các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tình hình tài chính của Công ty. Kế toán tổng hợp là người tổng hợp sổ sách từ các phần hành để tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán. Ngoài ra, bộ máy kế toán tại Công ty còn chia thành các phần hành: Kế toán tổng hợp, Kế toán thanh toán, Kế toán TSCĐ, Kế toán công nợ và kế toán vật tư, CCDC. Mỗi phần hành được giao cho một kế toán viên phụ trách, các kế toán viên có trách nhiệm ghi chép đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến phần hành của mình phụ trách.

Có thể khái quát tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty như sau:

Sơ đồ 3.2. Bộ máy kế toán của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh



(Nguồn: Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh)

3.1.4. Những đặc điểm kinh doanh chủ yếu ảnh hưởng đến hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính

Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh có đầy đủ các đặc điểm kinh doanh của ngành khoáng sản. Nhóm ngành này chứa đựng những nét đặc thù riêng biệt như trữ lượng mỏ phân tán, kết quả phụ thuộc vào trữ lượng có ích của mỏ khai thác, kỹ thuật phức tạp, điều kiện lao động nguy hiểm. Những đặc điểm này sẽ có ảnh hưởng nhất định đến quá trình phân tích. Một số đặc điểm cơ bản có ảnh hưởng nhất định đến chỉ tiêu phân tích tài chính như:

- Quá trình khai thác để lấy được khoáng sản đòi hỏi phải bóc dỡ, vận chuyển đất đá, sàng lọc... và để làm được điều này cần thiết phải đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại. Không những thế, doanh nghiệp còn phải đầu tư cho nhà xưởng, phương tiện vận tải, thiết bị và công cụ quản lý,... Tỷ trọng TSCĐ luôn chiếm giữ mức cao trong tổng giá trị TS của doanh nghiệp khai thác khoáng sản. Với đặc điểm trên, trong hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cần có chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định và lưu ý đến tỷ trọng của tài sản cố định trong tổng tài sản do nó có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Với các doanh nghiệp mới đi vào hoạt

động thì giá trị TSCĐ được đầu tư rất cao nên hiệu quả sẽ rất thấp. Do đó, khi phân tích các nên xem xét trạng thái biến đổi của các chỉ tiêu theo thời kỳ, nghĩa là kết luận đánh giá không chỉ căn cứ vào sự biểu hiện của các con số mà cần kết hợp với thời điểm phân tích để xem xét những yếu tố liên quan trong kỳ.

- Nhu cầu về vốn cho công tác khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến là rất lớn mà thời gian hoàn vốn lại diễn ra chậm. Đặc điểm này dẫn đến các công ty khai thác khoáng sản phải vay nợ nhiều. Do đó, trong quá trình phân tích tài chính cần quan tâm đến các chỉ tiêu phản ánh mức độ tự tài trợ, khả năng thanh toán lãi vay...

Sản phẩm khai thác mang tính mùa vụ, tức là tập trung khai thác vào mùa khô để phục vụ cho sản xuất của mùa mưa nên chi phí bảo quản, cất trữ, hao hụt cũng phát sinh khá nhiều. Chính vì vậy, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản cũng cần đánh giá hệ số quay vòng hàng tồn kho vì nó gắn với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp và cũng là cơ sở để tính toán kỹ lưỡng, xác định sản lượng khai thác, nơi tiêu thụ và số lượng hàng hóa tiêu thụ trước khi ký hợp đồng.

3.2. Thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

3.2.1. Thông tin sử dụng trong phân tích tài chính tại Công ty

Thông tin được Công ty sử dụng chủ yếu trong công tác phân tích tài chính là các Báo cáo tài chính. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo năm nên công tác phân tích cũng được thực hiện một năm một lần.. Việc tiến hành sử dụng các

thông tin trên Báo cáo tài chính của Công ty để tiến phân tích cũng thường chỉ trong 2 năm . Ngoài những thông tin có được từ các Báo cáo tài chính trên, Công ty hầu như không sử dụng thêm một nguồn thông tin nào từ bên ngoài như: tình hình kinh tế - xã hội, số liệu về các chỉ tiêu tài chính và tỷ lệ tài chính trung bình của ngành hoặc của một nhóm các doanh nghiệp trong ngành... Đây là một thực tế khách quan của nước ta hiện nay.

3.2.2. Các chỉ tiêu phân tích

Các chỉ tiêu được chia thành 3 nhóm lớn, bao gồm:

- Các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn:

+ Cơ cấu tài sản gồm 2 chỉ tiêu:

- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản

+ Cơ cấu nguồn vốn gồm 2 chỉ tiêu:

- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn

Các chỉ tiêu trên đều được tính theo số liệu cuối kỳ của các loại tài sản, nguồn vốn.

- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán gồm 2 chỉ tiêu:

- + Khả năng thanh toán hiện thời
- + Khả năng thanh toán nhanh

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi gồm 3 chỉ tiêu:

- + Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu
- + Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản
- + Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu

(Sử dụng lợi nhuận sau thuế để phân tích)

Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính được thể hiện ở phần cuối bảng Thuyết minh báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

Bảng 3.1: Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính áp dụng tại Công ty

STT	Chỉ tiêu	Công thức	Nguồn số liệu
1	Tỷ suất đầu tư	$\frac{\text{Tài sản DH}}{\text{Tổng TS}} \times 100$	Từ số là chỉ tiêu mã số 200 và mẫu số là chỉ tiêu mã số 270 trong bảng cân đối kế toán
2	Tỷ suất tài sản ngắn hạn	$\frac{\text{Tài sản NH}}{\text{Tổng TS}} \times 100$	Từ số là chỉ tiêu ma số 100 và mẫu số là chỉ tiêu mã số 270 trong bảng cân đối kế toán
3	Tỷ lệ nợ	$\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng NV}} \times 100$	Từ số là chỉ tiêu ma số 300 và mẫu số là chỉ tiêu mã số 440 trong bảng cân đối kế toán
4	Tỷ suất tự tài trợ	$\frac{\text{Vốn CSH}}{\text{Tổng NV}} \times 100$	Từ số là chỉ tiêu ma số 400 và mẫu số là chỉ tiêu mã số 440 trong bảng cân đối kế toán
5	Khả năng thanh toán hiện thời	$\frac{\text{TSNH}}{\text{Nợ NH}}$	Từ số là chỉ tiêu ma số 100 và mẫu số là chỉ tiêu mã số 310 trong bảng cân đối kế toán
6	Khả năng thanh toán nhanh	$\frac{\text{TSNH - HTK}}{\text{Tổng số nợ NH}}$	Từ số là chỉ tiêu lấy từ mã số 100, 310, còn mẫu là chỉ tiêu số 140 của bảng cân đối kế toán.
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	$\frac{\text{LNST}}{\text{DTT}} \times 100$	Từ số là chỉ tiêu ma số 60 và mẫu số là chỉ tiêu mã số 10 trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	$\frac{\text{LNST}}{\text{Tổng TS}} \times 100$	Tỷ số là chỉ tiêu ma số 60 trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mẫu số lấy từ mã số 270 trên bảng cân đối kế toán
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	$\frac{\text{LNST}}{\text{Vốn CSH}} \times 100$	Tỷ số là chỉ tiêu ma số 60 trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mẫu số lấy từ mã số 400 trên bảng cân đối kế toán

Các chỉ số trên đều được so sánh giữa số liệu năm báo cáo với số liệu năm ngay trước năm báo cáo.

Như vậy, hệ thống chỉ tiêu phân tích của Công ty đã được sử dụng để phản ánh 3 khía cạnh tài chính quan trọng là cấu trúc nguồn vốn, tài sản; khả năng thanh toán và khả năng sinh lợi.

Số liệu chi tiêu phân tích tài chính được áp dụng tại Công ty được thể hiện trong bảng 3.2 dưới đây

Bảng 3.2: Số liệu về các chỉ tiêu phân tích tài chính của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1. Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	63	66
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	37	34
1.2. Bộ trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36	44

- Nguồn vốn sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	64	56
2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,12	0,84
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,51	0,44
3. Khả năng sinh lợi			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS)	%	12,33	10,53
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	10,23	7,39
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn CSH (ROE)	%	16,03	13,16

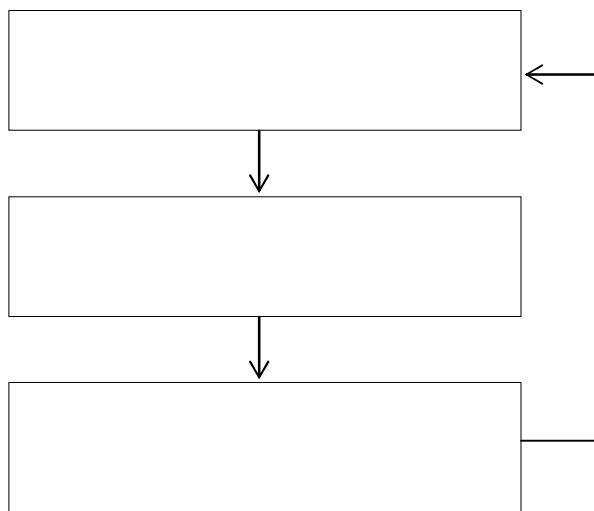
(Nguồn: Thuyết minh BCTC năm 2015 của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh)

Tuy nhiên, các chỉ tiêu phân tích tài chính chưa được xem xét, đánh giá để phản ánh cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán và khả năng sinh lợi của Công ty có ở mức độ hợp lý hay không, các nguyên nhân, yếu tố tác động đến các chỉ tiêu này để từ đó tìm ra giải pháp phù hợp cho quản lý. Chẳng hạn tỷ lệ nợ của công ty tăng lên có đáng lo ngại không? Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của Công ty năm 2015 đều giảm so với 2014, như vậy Công ty có đảm bảo đáp ứng được việc thanh toán các khoản nợ đến hạn không? Bên cạnh đó, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lợi cũng giảm nhiều trong năm 2015, nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là gì? Các biện pháp có thể áp dụng để khắc phục tình trạng Trên? Tất cả các vấn đề trên đều chưa được đề cập khi áp dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty. Hơn nữa, thông tin cung cấp thiếu trực quan, không so sánh với các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực kinh doanh

3.2.3. Quy trình phân tích tài chính của Công ty

Quy trình phân tích tại Công ty được khái quát qua sơ đồ

Sơ đồ 3.3 : Quy trình phân tích tài chính tại Công ty



(Nguồn: Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty Minh Thịnh)

3.2.4. Tổ chức phân tích tài chính tại Công ty

Quá trình phân tích tài chính của Công ty được thực hiện như sau:

- Kế toán tổng hợp là người chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty, lập các báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Căn cứ vào số liệu trên các báo cáo tài chính, kế toán tổng hợp tính toán một số chỉ tiêu nhằm đánh giá khái quát tình hình hoạt động của Công ty.

- Các chỉ tiêu này được đưa vào một bảng và được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Thông qua các chỉ tiêu đó, đưa ra một số nhận xét đánh giá về tình hình tài chính của Công ty.

3.3. Đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

3.3.1. Những kết quả đạt được

- Công ty thực hiện đúng chế độ, chính sách của Nhà nước về quản lý tài chính, việc lập các báo cáo tài chính và tính toán một số chỉ tiêu tài chính cơ bản được thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn quy định. Công ty đã hình thành một hệ thống bao gồm một số chỉ tiêu tài chính quan trọng, bao quát được nhiều khía cạnh như cơ cấu tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán và khả năng sinh lợi. Qua đó, chúng ta thu thập được thông tin về tình hình sử dụng tài sản, chính sách huy động vốn, khả năng thanh toán và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp

- Cách tính toán các chỉ tiêu phù hợp với thông lệ và xu thế chung của các DN. Nguồn tài liệu sử dụng để thu thập tính toán các chỉ tiêu trên dựa trên các báo cáo tài chính của DN nên tương đối tin cậy.

- Về quy trình phân tích: Công ty thực hiện đúng quy trình phân tích đã đặt ra, tuy quy trình còn sơ sài nhưng cũng đem lại những hiệu quả nhất định.

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Những hạn chế

Mặc dù công ty đã sử dụng một số chỉ tiêu để phân tích tài chính công ty mình nhưng vẫn còn có những nội dung phân tích chưa được đề cập đến hoặc chưa được công ty phân tích một cách thực thụ. Do vậy, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính trên chưa thể hiện được toàn bộ các mặt kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Cụ thể là:

- Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính còn đơn giản, sơ lược, chỉ bao gồm một số chỉ tiêu tài chính được quy định theo mẫu “Thuyết minh báo cáo tài chính” do Bộ Tài chính ban hành. Đây mới chỉ là một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh, chưa đủ để thấy được

các khía cạnh chi tiết hơn như hiệu quả sử dụng các loại tài sản, khả năng sử dụng nợ của doanh nghiệp... Với hệ thống chỉ tiêu phân tích được sử dụng, mục tiêu của phân tích tài chính chưa đạt được một cách đầy đủ. Hệ thống này chưa giúp cho phân tích đánh giá được một cách toàn diện trên tất cả các khía cạnh do đó chưa giúp cho quản lý kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản chưa được đề cập nên người phân tích không đánh giá được các loại tài sản đã được sử dụng hợp lý hay chưa, thiếu căn cứ để xác định mức độ đầu tư hợp lý vào từng loại tài sản và khó đưa ra giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

- Công ty chưa sử dụng các chỉ tiêu phản ánh khả năng luân chuyển hàng tồn kho, khả năng thu hồi nợ do đó khó có thể đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm đẩy nhanh tốc độ luân chuyển hàng tồn kho, nâng cao năng lực hoạt động, kiểm soát thu hồi nợ.

- Công ty sử dụng hệ số khả năng thanh toán hiện thời và hệ số khả năng thanh toán nhanh nên mới cung cấp được một phần về khả năng thanh toán của công ty, thiếu các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán tổng quát hay tức thời.

- Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính chưa có những chỉ tiêu đặc thù cho ngành khoáng sản.

- Công ty tính toán các chỉ tiêu tài chính nhưng chỉ dừng ở mức liệt kê số liệu năm báo cáo bên cạnh số liệu năm ngay trước năm báo cáo mà chưa tính toán sự biến động tuyệt đối hay tương đối.

- Các chỉ tiêu phân tích tài chính của công ty chủ yếu dựa trên các tài liệu hạch toán của công ty mà chưa sử dụng nhiều đến nguồn thông tin bên ngoài (môi trường kinh doanh, hệ thống pháp luật, sự điều chỉnh kinh tế vĩ mô...) do đó không phải ánh đầy đủ sự vận động tình hình tài chính, khả năng tài chính của công ty. Bên cạnh đó, công ty cũng chưa thu thập được số liệu

bình quân trong ngành và so với đối thủ cạnh tranh nên việc phân tích ít nhiều giảm tính khách quan, chỉ dựa trên sự đánh giá chủ quan của Công ty. Trong khi nguồn thông tin không được đảm bảo đầy đủ và chính xác, thì các số liệu sử dụng để phân tích chủ yếu là trong 2 năm. Vì vậy, kết quả phân tích chỉ có ý nghĩa trong ngắn hạn, chưa đem lại cho đối tượng sử dụng thông tin hình ảnh về doanh nghiệp nói chung và tình hình tài chính nói riêng một cách có chiều sâu. Còn về lâu dài để có những nhận định vững vàng cần phải so sánh ít nhất là ba năm liền kề nhau..

- Phân tích chỉ tiêu tài chính của Công ty chưa được thực hiện một cách độc lập mà chỉ là lồng ghép, kết hợp thể hiện trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Tổ chức công tác phân tích hiện nay chưa được quan tâm nhiều. Phân tích chưa được thực hiện một cách độc lập mà chỉ là lồng ghép trong thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo này được phòng Tài chính kế toán thực hiện và thường được lập vào tháng 3 năm sau để phản ánh tình hình tài chính của năm trước. Trong khi mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp là từ thực trạng hoạt động kinh doanh, đưa ra các kế hoạch chiến lược trong tương lai. Cho nên kết quả hoạt động phân tích sẽ bị giảm ý nghĩa thực tiễn, những chiến lược xây dựng có thể sẽ không theo kịp những biến đổi của môi trường kinh doanh.

- Công ty chưa có bộ phận phân tích riêng mà công việc phân tích được thực hiện tại phòng kế toán của công ty bởi các kế toán viên kiêm nhiệm. Khâu chuẩn bị phân tích gần như không có, nếu có thì cũng sơ sài, loa qua, chủ yếu trên cơ sở các năm trước làm như thế nào thì năm nay tiếp tục thực hiện như vậy.

Với thực trạng như trên, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính hiện tại của Công ty chưa đáp ứng được yêu cầu của quản lý tài chính, chưa giúp người phân tích dự đoán được tiềm năng tài chính.

3.3.2.2. Nguyên nhân

Ø Nguyên nhân khách quan

- Hiện nay chưa có một văn bản mang tính pháp lý nào yêu cầu các doanh nghiệp phải tiến hành phân tích báo cáo tài chính. Bộ tài chính mới chỉ quan tâm đến một số chỉ tiêu tài chính cơ bản, chủ yếu phục vụ công tác quản lý Nhà nước. Do đó, chưa bắt buộc được các doanh nghiệp phải thực hiện công tác phân tích báo cáo tài chính. Không như các BCTC bắt buộc và được Bộ tài chính quy định rất rõ về phương pháp hạch toán, lập báo cáo... Đối với việc phân tích tài chính các công ty phải tự xây dựng cho mình mô hình tổ chức hợp lý trên cơ sở đó mới xây dựng được hệ thống chỉ tiêu PTTC phù hợp cho công ty mình

- Chế độ, chính sách như chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán... thường xuyên thay đổi, đặc biệt là chính sách thuế và chế độ kế toán mà chưa có thông tư, nghị định hướng dẫn đi kèm kịp thời.

- Ở Việt Nam hiện nay chưa có một hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính chính thức, đầy đủ nào làm hệ thống chỉ tiêu tham chiếu đáng tin cậy cho doanh nghiệp.

- Công việc phân tích tài chính của các doanh nghiệp ở nước ta chưa được coi là một nghề. Trong khi ở nhiều nước phát triển trên thế giới thì PTTC được coi là một nghề nghiệp quan trọng và phải có chứng chỉ hành nghề. Các trường Đại học khối kinh tế ở nước ta chưa có chuyên ngành đào tạo về phân tích tài chính.

Ø Nguyên nhân chủ quan

- *Nhận thức của nhà quản trị:* Công ty chưa nhận thức hết được tầm quan trọng của việc tính toán và sử dụng các chỉ tiêu trong việc đưa ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Do đó, việc phân tích chỉ mang tính hình thức và thủ tục, mới chỉ là sự tính toán các con số một cách đơn thuần, chưa thiết lập quy chế phân tích tài chính cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, từ các chỉ tiêu tài chính phân tích cho đến quy trình phân tích, tổ chức phân tích... đều còn thiếu rất nhiều nội dung quan trọng. Các nhà quản lý chưa sử dụng kết quả phân tích tài chính như một công cụ thực sự hữu hiệu cho công tác quản lý tài chính của mình. Hơn nữa, đối với các đối tượng sử dụng thông tin khác (các nhà đầu tư, nhà cho vay...), việc sử dụng thông tin phân tích tài chính làm định hướng cho việc ra quyết định chưa phổ biến, nên chưa tạo động lực lớn trong việc hoàn thiện công tác này.

- *Đội ngũ cán bộ phân tích :* Công ty không có đội ngũ cán bộ chuyên trách việc phân tích tài chính, theo đó, việc tính toán và sử dụng các chỉ tiêu phân tích đều do cán bộ kế toán đảm nhận. Do đó, việc tính toán và sử dụng các chỉ tiêu thiếu đi tính chuyên nghiệp và việc sử dụng không đem lại hiệu quả cao trong việc phục vụ cung cấp thông tin cho các chủ thể

- *Chất lượng thông tin sử dụng phân tích:* chưa cao. Sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng để cung cấp thông tin phục vụ cho việc phân tích chưa thật chặt chẽ, nên các thông tin chủ yếu lấy từ các số liệu trên các báo cáo tài chính, dẫn đến sự không đầy đủ, thiếu tính thuyết phục của việc phân tích.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Để tồn tại và phát triển lớn mạnh trong môi trường cơ tính cạnh tranh ngày càng cao, Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh cần chú trọng đến phân tích tài chính, coi đây là công cụ đắc lực cho quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên qua nghiên cứu thực tế tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh cho thấy hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính còn đơn giản, chưa phản ánh được đầy đủ thực trạng tài chính của Công ty. Phân tích tài chính đã được thực hiện nhưng mới dừng ở mức độ sơ lược, chưa được quan tâm nhiều và chưa được thực hiện độc lập mà chủ yếu được lồng ghép trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Trên cơ sở nghiên cứu cụ thể thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính, chương 3 đã có nhận xét về những ưu điểm và nhược điểm còn tồn tại. Chương 4 sẽ đề xuất xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cho công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh.

CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN MINH THỊNH

4.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, trước những yêu cầu nghiêm ngặt của quá trình hội nhập, trước những thách thức biến động của thị trường, Công ty TNHH khoáng sản đã có những định hướng phát triển

- Đối với khai thác và chế biến khoáng sản: Công ty định hướng mở rộng tìm kiếm và khai thác ở các tỉnh và nước khác, đầu tư vào công nghệ khai thác và thăm dò địa chất để có thể tiếp cận những tầng mỏ sâu hơn, khó khai thác hơn hoặc những mỏ mới chưa được phát hiện. Minh Thịnh tiếp tục duy trì thương hiệu với những sản phẩm truyền thống như Titan, Ilmenit, Zicon, Rutile vốn được coi là những sản phẩm nổi tiếng và có lợi thế cạnh tranh.

- Nghiên cứu thị trường tiêu thụ sản phẩm, vạch ra chiến lược Marketing, tạo lợi thế cạnh tranh khi thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng. Tích cực tìm kiếm, thăm dò và xin cấp phép thêm các mỏ mới nhằm đáp ứng cho các dự án đầu tư mang tính dài hơi, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, phục vụ cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty

- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh mới như sản xuất, chế biến gỗ, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, dịch vụ giải trí, kinh doanh...

- Liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài, từng bước xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

- Tăng cường công tác quản lý doanh nghiệp, nhằm đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

- Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng: Tăng cường biện pháp phòng ngừa, đảm bảo an toàn cho con người và tài sản trong quá trình hoạt động kinh doanh

4.2. Tính cấp thiết của việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh bắt nguồn từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về mặt khách quan, từ những định hướng nêu trên đặt công ty trước những thách thức và thời cơ mới. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng quyết liệt, để nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như phát triển hình ảnh, vị thế của Công ty, cơ chế quản lý tài chính và công tác phân tích tài chính đóng vai trò không nhỏ. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính là vấn đề hết sức cần thiết khi mà chiến lược phát triển của công ty, đó là không chỉ tối đa hóa giá trị của nhà đầu tư, mà còn là tăng trưởng bền vững, đạt tỷ suất lợi nhuận cao, tiếp tục mở rộng thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu sang thêm các nước khác. Với một hệ thống chỉ tiêu phù hợp, phân tích tài chính sẽ giúp công ty đưa ra các quyết định đúng đắn trong hoạt động nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong kinh doanh.

Về mặt chủ quan, với những nhược điểm còn tồn tại như đã đề cập ở phần 3.3.2.1 hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính hiện tại chưa đáp ứng được yêu cầu của quản lý và những đối tượng quan tâm, chưa phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, do vậy chưa giúp cho phân tích tài chính thể hiện được vai trò quan trọng của mình

Với những nguyên nhân trên, hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh cần được xây dựng lại để phù hợp với chiến lược phát triển của công ty.

4.3. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

4.3.1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính được xây dựng theo hướng bổ sung thêm các chỉ tiêu cần thiết. Về cơ bản hệ thống chỉ tiêu phân tích được phân nhóm như sau:

** Nhóm chỉ tiêu phân tích khái quát tài sản, nguồn vốn*

Theo tác giả, việc phân tích khái quát tài sản, nguồn vốn cần nêu lên được những vấn đề sau:

- Sự biến động của tài sản, nguồn vốn và phân tích nguyên nhân, ảnh hưởng của các yếu tố có tác động đến tài sản, nguồn vốn.

- Tỷ trọng từng loại tài sản trong tổng tài sản hiện tại có phù hợp với đặc điểm và yêu cầu kinh doanh của Công ty hay không?

- Mức độ đầu tư vào tài sản dài hạn có phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn không?

- Tỷ trọng từng loại nguồn vốn trong tổng nguồn vốn hiện tại. Mức độ độc lập tài chính thể hiện qua nguồn vốn chủ sở hữu.

Hiện tại công ty đã sử dụng các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn.

** Nhóm chỉ tiêu phân tích tính thanh khoản*

Phân tích tính thanh khoản cần chỉ ra khả năng thanh toán của Công ty có ở mức hợp lý hay không? So với các công ty cùng ngành là cao hay thấp?

Hiện tại công ty đã sử dụng chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện thời và khả năng thanh toán nhanh. Theo tác giả cần bổ sung thêm chỉ tiêu hệ số thanh toán tổng quát và hệ số thanh toán tức thời.

** Nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (còn gọi là phân tích hiệu quả sử dụng tài sản)*

Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cần phản ánh được những khía cạnh sau:

- Hiệu suất sử dụng và sinh lãi chung của tổng tài sản
- Tài sản cố định được sử dụng như thế nào và khả năng sinh lãi
- Khả năng thu hồi nợ của doanh nghiệp
- Hệ số quay vòng hàng tồn kho

Hiện tại, công ty mới tính toán chỉ tiêu số vòng quay hàng tồn kho. Theo tác giả, để đáp ứng được các yêu cầu trên, trong phân tích công ty cần sử dụng thêm các chỉ tiêu: hệ số quay vòng tổng tài sản, hệ số quay vòng TSCĐ, hệ số thu nợ, kỳ thu nợ, số ngày tồn kho.

** Nhóm chỉ tiêu phân tích đòn bẩy tài chính*

Hiện tại công ty chưa đề cập đến nhóm chỉ tiêu này. Công ty nên bổ sung chỉ tiêu hệ số tổng nợ, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và hệ số khả năng thanh toán lãi vay trong phân tích để biết được tình trạng tài chính của công ty. Đây là những chỉ tiêu mà các ngân hàng và các tổ chức tín dụng thường quan tâm

** Nhóm chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lợi*

Theo tác giả, phân tích khả năng sinh lợi cần phản ánh được các vấn đề sau:

- Khả năng sinh lợi của Công ty có ở mức độ hợp lý trong toàn ngành không?
- Xu hướng biến động của khả năng sinh lợi
- Các biện pháp cải thiện hiệu quả kinh doanh của Công ty (nếu hiệu quả ở mức độ thấp) hoặc giữ vững và tiếp tục nâng cao hiệu quả (nếu hiệu quả đạt được ở mức độ cao)

Hiện tại công ty đã sử dụng một số chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lợi bao gồm suất sinh lời trên tài sản, suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu. Theo tác giả nên bổ sung thêm chỉ tiêu tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu.

Ngoài ra tác giả đề xuất thêm 1 số chỉ tiêu đặc thù của ngành khoáng sản:

- *Công suất khai thác mỏ của TSCĐ*: Tỷ trọng TSCĐ luôn chiếm giữ mức co trong tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp khai thác khoáng sản, nên tác giả tiến hành chi tiết hóa chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng tài sản thành hiệu quả sử dụng TSCĐ bằng cách xác định chỉ tiêu công suất khai thác mỏ của TSCĐ

$$\text{Công suất khai thác mỏ của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm khai thác}}{\text{Nguyên giá (giá trị còn lại) bình quân TSCĐ}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, một nguyên giá hay giá trị còn lại bình quân của TSCĐ tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo được bao nhiêu đơn vị giá trị sản phẩm khai thác. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp càng lớn và ngược lại.

- *Chỉ tiêu sức sản xuất tính theo doanh thu*: Chỉ tiêu này nhằm đánh giá hiệu quả khai thác mà doanh nghiệp có được trong 1 tấn quặng khai thác, lượng mỏ quặng được khách hàng chấp nhận đến đâu. Chỉ tiêu này được xác định như sau:

$$\text{Sức sản xuất theo doanh thu} = \frac{\text{Doanh thu từ hoạt động khai thác}}{1 \text{ tấn (1 mỏ) quặng khai thác}}$$

- *Tỷ suất lợi nhuận theo tổng CP (SSLcp)* phản ánh cứ 1 đơn vị chi phí khai thác tạo ra bao nhiêu đơn vị doanh lợi khai thác mỏ trong kỳ và chỉ tiêu này đc tính toán như sau:

$$SSL_{cp} = \frac{\text{Doanh lợi khai thác mỏ}}{\text{Tổng chi phí khai thác}} \times 100$$

- *Tỷ suất lợi nhuận theo tổng vốn đầu tư khai thác (SSL_v)*, phản ánh cứ 1 đơn vị vốn đầu tư cho hoạt động khai thác tạo ra bao nhiêu đơn vị doanh lợi khai thác mỏ trong kỳ và chỉ tiêu này đc tính toán như sau:

$$SSL_v = \frac{\text{Doanh lợi khai thác mỏ}}{\text{Tổng vốn đầu tư khai thác}} \times 100$$

- *Tỷ suất lợi nhuận theo tài sản (SSL_{ts})*, phản ánh cứ 1 đơn vị tài sản tham gia vào hoạt động khai thác tạo ra bao nhiêu đơn vị doanh lợi khai thác mỏ trong kỳ và chỉ tiêu này đc tính toán như sau:

$$SSL_{ts} = \frac{\text{Doanh lợi khai thác mỏ}}{\text{Tổng tài sản trong kỳ}} \times 100$$

- *Số vòng luân chuyển nguyên vật liệu:*

$$\text{Số vòng luân chuyển NVL} = \frac{\text{Giá vốn NVL đã dùng}}{\text{Giá vốn NVL dự trữ}}$$

Chỉ tiêu trên cho biết khả năng khai thác các nguồn nguyên vật liệu vật tư của doanh nghiệp, đồng thời đánh giá được chu kỳ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này càng cao cho biết doanh nghiệp giảm được chi phí cho nguyên vật liệu dự trữ, rút ngắn chu kỳ hoạt động về chuyển đổi nguyên vật liệu sang thành phẩm, giảm bớt sự ứ đọng của nguyên vật liệu tồn kho và tăng vòng quay của nguồn vốn đầu tư (liên quan đến chỉ tiêu hệ số vòng quay HTK, thời gian quay vòng HTK). Bên cạnh đó, việc phân tích này cũng giúp doanh nghiệp có thể khắc phục tình trạng thiếu nguyên vật liệu dự trữ, không đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nhu cầu của quá trình kinh doanh.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính của công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh, trên cơ sở bổ sung các chỉ tiêu phân tích tài chính như trên, tác giả đã xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cho công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh được thể hiện trong bảng 4.1 dưới đây:

Bảng 4.1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

TT	Tên chỉ tiêu	Công thức	Ý nghĩa	Ghi chú
Nhóm chỉ tiêu phân tích khái quát tài sản, nguồn vốn				
1	Tỷ suất tài sản ngắn hạn	$\frac{\text{Tài sản NH}}{\text{Tổng TS}} \times 100$	Phản ánh mức độ đầu tư vào TSNH có phù hợp không	Đã được sử dụng
2	Tỷ suất tài sản dài hạn	$\frac{\text{Tài sản DH}}{\text{Tổng TS}} \times 100$	Phản ánh mức độ đầu tư vào tài sản dài hạn có phù hợp không	Đã được sử dụng
3	Tỷ suất tự tài trợ	$\frac{\text{Vốn CSH}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$	Phản ánh mức độ độc lập về mặt tài chính	Đã được sử dụng
4	Tỷ lệ nợ	$\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100$	Phản ánh mức độ phụ thuộc hay rủi ro tài chính	Đã được sử dụng

Nhóm chỉ tiêu phân tích khả năng thanh toán				
5	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	$\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ phải trả}}$	Phản ánh khả năng trang trải các khoản nợ từ tài sản hiện có	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
6	Hệ số thanh toán hiện thời	$\frac{\text{TSNH}}{\text{Tổng số nợ NH}}$	Đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	Đã được sử dụng
7	Hệ số thanh toán nhanh	$\frac{\text{TSNH - HTK}}{\text{Tổng số nợ NH}}$	Đánh giá khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn	Đã được sử dụng
8	Hệ số thanh toán tức thời	$\frac{\text{Tổng số tiền và tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Đánh giá tiềm lực thanh toán nợ NH từ khả năng chuyển đổi thành tiền của TSNH	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
Nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động				
9	Hệ số vòng quay tổng tài sản	$\frac{\text{DTT}}{\text{TS bình quân}}$	Tốc độ luân chuyển của tài sản	Chưa được sử dụng – Được bổ sung

10	Hệ số vòng quay TSCĐ	$\frac{DTT}{\text{Giá trị TSCĐ bình quân}}$	Đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
11	Hệ số thu nợ	$\frac{DT \text{ bán chịu trong năm}}{\text{Số tiền phải thu}}$	Khả năng thu hồi nợ của doanh nghiệp	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
12	Kỳ thu nợ	$\frac{\text{Số tiền phải thu}}{DT \text{ bán chịu bq 1 ngày}}$	Đo lường thời gian thu nợ bình quân của DN	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
13	Hệ số vòng quay HTK	$\frac{GVHB}{\text{Giá trị HTK bqun}}$	Tốc độ luân chuyển HTK qua đó phản ánh năng lực hoạt động	Đã được sử dụng
14	Số này của 1 vòng quay HTK	$\frac{360(365)}{\text{Hệ số vòng quay HTK}}$	Số ngày trung bình của 1 vòng quay HTK	Chưa được sử dụng – Được bổ sung

Nhóm chỉ tiêu phân tích đòn bẩy tài chính				
15	Hệ số tổng nợ	$\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$	Đo lường mức độ sử dụng nợ so với tài sản	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
16	Hệ số nợ trên VCSH	$\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng vốn CSH}}$	Tỷ lệ % giữa vốn huy động bằng cách đi vay và VCSH	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
17	Hệ số khả năng thanh toán lãi vay	$\frac{\text{LNTT và lãi vay (EBIT)}}{\text{Chi phí lãi vay}}$	Đánh giá khả năng trả lãi hàng năm	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
Nhóm chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lời				
18	Tỷ lệ LN gộp trên doanh thu	$\frac{\text{DT- GVHB}}{\text{Doanh thu}}$	Thể hiện mức độ hiệu quả khi sử dụng các yếu tố đầu vào trong 1 quy trình SXKD của DN	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
19	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	$\frac{\text{LNST}}{\text{DTT}}$	Khả năng tạo ra lợi nhuận từ doanh thu	Đã được sử dụng

20	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	$\frac{\text{LNST}}{\text{Tổng tài sản}}$	Khả năng tạo ra lợi nhuận từ tài sản	Đã được sử dụng
21	Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH	$\frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}}$	Khả năng tạo ra lợi nhuận từ vốn chủ sở hữu	Đã được sử dụng
Nhóm chỉ tiêu phân tích theo đặc điểm riêng ngành khoáng sản				
22	Công suất khai thác mỏ của TSCĐ	$\frac{\text{Giá trị SP khai thác}}{\text{Nguyên giá (giá trị còn lại) bình quân TSCĐ}}$	Hiệu quả sử dụng TSCĐ	Được bổ sung
23	Chỉ tiêu sức sản xuất tính theo doanh thu:	$\frac{\text{DT từ khai thác}}{1 \text{ tấn (1 mỏ) quặng khai thác}}$	Hiệu quả khai thác	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
24	Tỷ suất lợi nhuận theo chi phí	$\frac{\text{Doanh lợi khai thác mỏ}}{\text{Tổng chi phí khai thác}}$	Khả năng tạo ra lợi nhuận từ chi phí	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
25	Tỷ suất lợi nhuận theo vốn đầu tư	$\frac{\text{Doanh lợi khai thác mỏ}}{\text{Tổng VĐT khai thác}}$	Khả năng tạo ra lợi nhuận từ vốn đầu tư	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
26	Tỷ suất lợi nhuận theo tài sản	$\frac{\text{Doanh lợi khai thác mỏ}}{\text{Tổng tài sản trong kỳ}}$	Khả năng tạo ra lợi nhuận từ tài sản	Chưa được sử dụng – Được bổ sung

27	Số vòng luân chuyển NVL	$\frac{\text{Giá vốn NVL đã dùng}}{\text{Giá vốn NVL dự trữ}}$	Khả năng khai thác các nguồn nguyên vật liệu	Chưa được sử dụng – Được bổ sung
----	-------------------------	--	--	----------------------------------

4.3.2. Áp dụng hệ thống chỉ tiêu được xây dựng để phân tích tình hình tài chính

Hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính được hoàn thiện và áp dụng trong phân tích tình hình tài chính thực tế. Việc phân tích dựa trên số liệu các năm từ 2013 đến 2015.

Hệ thống chỉ tiêu được áp dụng phân tích theo từng nhóm như sau:

4.2.2.1. Phân tích khái quát tài sản, nguồn vốn

Bảng 4.2: Các chỉ tiêu phân tích khái quát tài sản, nguồn vốn của công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015
Tài sản dài hạn/ Tổng TS	%	71	63	66
Tài sản ngắn hạn/Tổng TS	%	29	37	34
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	28	36	44
Nguồn vốn sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	72	64	56

(Nguồn: Số liệu được tính từ các BCTC của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh năm 2013-2015)

Nhìn bảng số liệu ta thấy tài sản dài hạn luôn chiếm phần lớn tỉ trọng trong cơ cấu tài sản. Với đặc thù các lĩnh vực Công ty đang hoạt động kinh doanh thì cơ cấu tài sản như trên là hợp lý.

Về nguồn vốn, cơ cấu vốn luôn nằm trong khoảng an toàn. Hệ số nợ của Công ty qua các năm đều nhỏ hơn 50% cho thấy khả năng tự chủ về mặt tài chính của Công ty là tốt. Tuy nhiên, nợ phải trả có xu hướng tăng đều qua các năm nên công ty cần quan tâm đến tỷ lệ này

4.3.2.2. Phân tích khả năng thanh toán

Bảng 4.3: Các chỉ tiêu phân tích khả năng thanh khoản của công ty

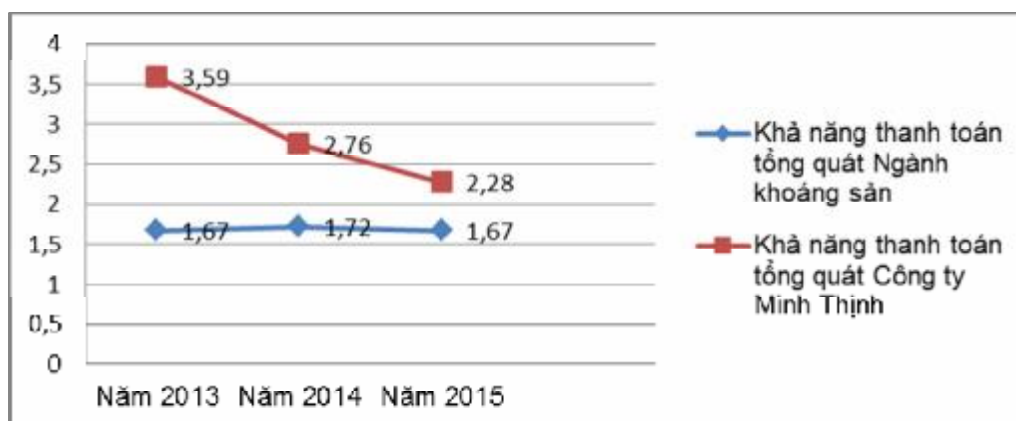
Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	Lần	3,59	2,76	2,28
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,13	1,12	0,84
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,34	0,51	0,44
Hệ số khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,05	0,04	0,04

(Nguồn: Số liệu được tính từ các BCTC của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh năm 2013-2015)

** Hệ số khả năng thanh toán tổng quát*

Hệ số thanh toán tổng quát (còn được gọi là hệ số khả năng thanh toán chung) của Minh Thịnh qua 3 năm liên tiếp từ 2013 đến 2015 đều lớn hơn 1 chứng tỏ với tổng số tài sản hiện có, Công ty có khả năng trang trải các khoản nợ. Tuy nhiên hệ số này đang giảm dần, từ 3,59 năm 2013 giảm còn 2,28 năm

vào năm 2015 có nghĩa là khả năng thanh toán tổng quát của công ty có xu hướng suy yếu dần. Nguyên nhân của tình trạng này là do tốc độ tăng của nợ phải trả luôn lớn hơn tốc độ tăng của tổng tài sản qua 3 năm, bắt nguồn từ việc công ty không ngừng đi vay nợ để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.



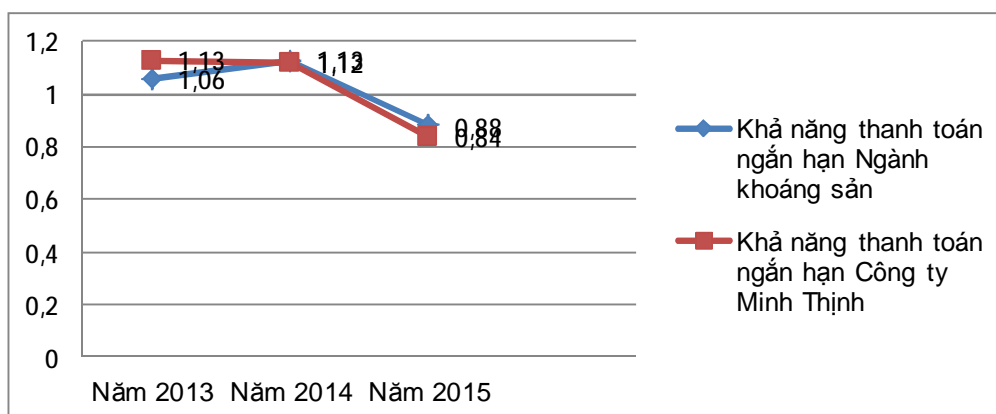
Hình 4.1: So sánh khả năng thanh toán tổng quát của Công ty với TB ngành

Nguồn: Phụ lục

Tuy nhiên, khi so sánh với hệ số thanh toán tổng quát của ngành khoáng sản trong cả 3 năm từ 2013-2015 thì hệ số này của Công ty Minh Thịnh cao hơn chứng tỏ khả năng thanh toán tổng quát của công ty tốt hơn mặt bằng chung của ngành.

** Hệ số khả năng thanh toán hiện thời*

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời của Công ty giảm từ 1,13 năm 2013 còn 1,12 năm 2014 và 0,84 trong năm 2015. Hệ số này có xu hướng giảm dần. Nguyên nhân là do công ty tăng cường vay nợ ngắn hạn để tài trợ cho cả TSNH và TSDH dẫn tới tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của TSNH.

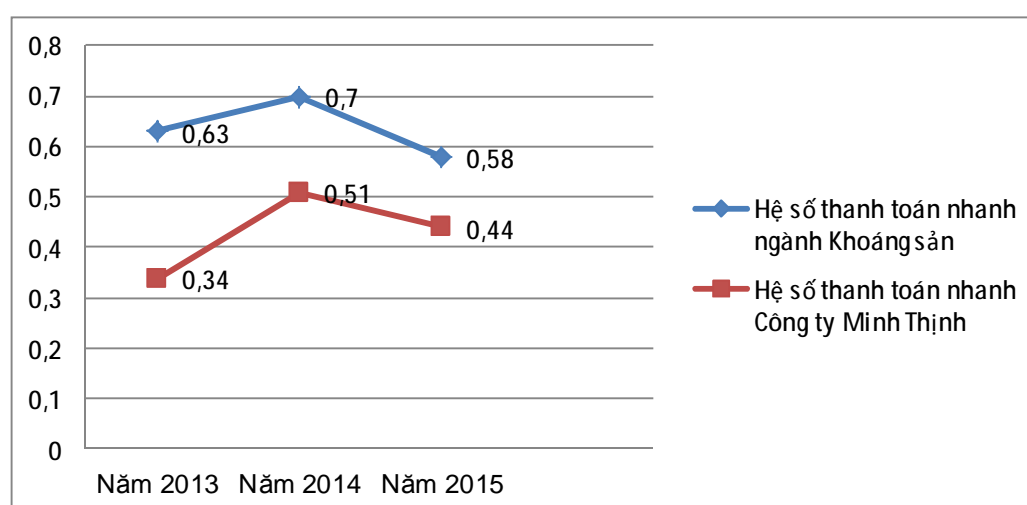


Hình 4.2: So sánh khả năng thanh toán hiện hành của Minh Thịnh với ngành khoáng sản

Nguồn: Phụ lục

Khi so sánh với các doanh nghiệp trong cùng ngành khoáng sản ta thấy, hệ số này của Minh Thịnh xấp xỉ bằng trung bình ngành.

* *Hệ số khả năng thanh toán nhanh*



Hình 4.3: So sánh hệ số thanh toán nhanh của Minh Thịnh với ngành khoáng sản

Nguồn: Phụ lục

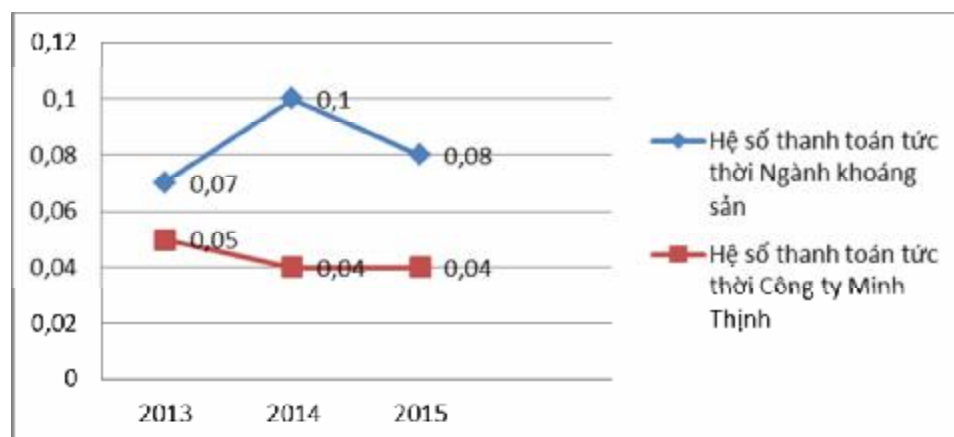
Hệ số khả năng thanh toán nhanh 3 năm từ 2013 đến 2015 đều nhỏ hơn 1 và biến động không ổn định. Năm 2013 hệ số này là 0,34 tăng lên 0,51 vào năm 2014 và lại giảm xuống còn 0,44 vào năm 2015. Hệ số này của Minh

Thịnh qua 3 năm đều nhỏ hơn 1 và tương đối thấp chứng tỏ công ty không có đủ các tài sản để chuyển đổi thành tiền để thanh toán công nợ ngắn hạn, chỉ tiêu này kéo dài sẽ ảnh hưởng đến uy tín và chất lượng tài chính của công ty.

Bên cạnh đó, khi so sánh với các doanh nghiệp trong cùng ngành khoáng sản thì hệ số khả năng thanh toán nhanh của Minh Thịnh trong cả 3 năm đều thấp hơn so với mức trung bình của ngành khoáng sản. Từ đó ta có thể thấy khả năng thanh toán nhanh của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh thấp, công ty cần tìm biện pháp để cải thiện.

** Hệ số khả năng thanh toán tức thời*

Hệ số khả năng thanh toán tức thời của Công ty nhìn chung khá thấp, hệ số này giảm 0.05 năm 2013 còn 0,04 năm 2014 và giữ nguyên năm 2015. Hệ số khả năng thanh toán tức thời thấp cho thấy với lượng tiền và tương đương tiền hiện có, công ty sẽ gặp khó khăn trong việc trang trải các khoản nợ ngắn hạn. Tình trạng này kéo dài sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính của công ty, nguy cơ phá sản có thể xảy ra.



Hình 4.4: So sánh hệ số thanh toán tức thời của Công ty với TB ngành

Nguồn: Phụ lục

Khi so sánh với các doanh nghiệp trong cùng ngành khoáng sản ta thấy, hệ số này của Công ty đều thấp hơn so với trung bình ngành.

Nhìn một cách khái quát ta có thể thấy khả năng thanh toán của Công

ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh là thấp, thậm chí có hệ số còn thấp hơn so với mức trung bình của ngành khoáng sản. Chính vì vậy, các nhà quản trị của Công ty cần quan tâm & nỗ lực hơn nữa để nâng cao năng lực thanh toán của doanh nghiệp, tạo niềm tin cho nhà đầu tư, nhà cho vay, các đối tác, bạn hàng, cũng như người lao động trong doanh nghiệp.

4.3.2.3. Phân tích hiệu quả hoạt động

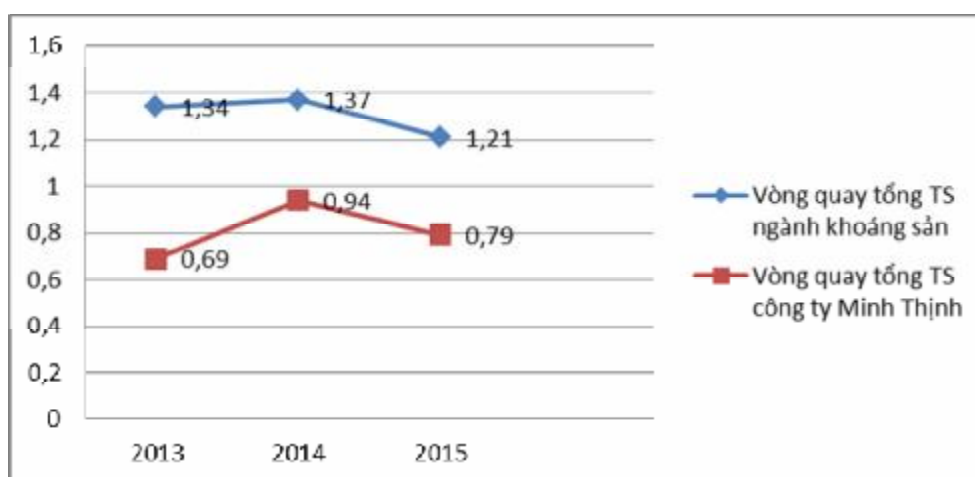
Bảng 4.4: Các chỉ tiêu phân tích hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,69	0,94	0,79
Hệ số vòng quay TSCĐ	Vòng	1,28	1,41	1,22
Hệ số thu nợ	Lần	10,12	8,47	5,36
Kỳ thu nợ	ngày	36	42	67
Vòng quay HTK	Vòng	2,41	3,38	3,16
Số ngày tồn kho	Ngày	149	107	114

(Nguồn: Số liệu được tính từ các BCTC của Công ty)

* Hệ số vòng quay tổng tài sản

Hệ số vòng quay tổng tài sản từ 0,69 vòng trong năm 2013 tăng lên 0,94 vòng trong năm 2014 và giảm 0,79 vòng năm 2015 cho thấy hiệu suất sử dụng tổng tài sản của công ty không ổn định và đang có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do mức độ tăng của tổng tài sản bình quân lớn hơn mức độ tăng DTT.



Hình 4.5: So sánh số vòng quay tổng TS của Minh Thịnh với ngành khoáng sản

Nguồn: Phụ lục

Khi so sánh với số vòng quay tổng tài sản trung bình của ngành khoáng sản thì hệ số này của Công ty thấp hơn khá nhiều so với mức trung bình ngành, chứng tỏ tài sản của Công ty vận động chậm hơn so với mức trung bình ngành, công ty cần cải thiện hệ số này.

** Hệ số vòng quay TSCĐ*

Hệ số vòng quay TSCĐ từ 1,28 vòng trong năm 2013 tăng lên 1,41 vòng trong năm 2014 và giảm còn 1,22 vòng năm 2015 cho thấy hiệu quả sử dụng TSCĐ của công ty không ổn định và đang có xu hướng giảm.

** Hệ số thu nợ*

Hệ số thu nợ có xu hướng giảm trong 3 năm thể hiện khả năng thu nợ của công ty ngày càng giảm đi, việc thu hồi công nợ kém hiệu quả

** Kỳ thu nợ*

Kỳ thu nợ có xu hướng tăng trong 3 năm. Từ 36 ngày 2013 tăng lên 42 ngày năm 2014 và tiếp tục đà tăng thành 67 ngày vào năm 2015, tức là bình quân phải mất 67 ngày mới thu được khoản phải thu. Điều này phản ánh tốc độ tăng khoản phải thu lớn hơn tốc độ tăng doanh thu, chứng tỏ hiệu quả quản lý khoản phải thu giảm đi rõ rệt. Cùng với sự tăng lên của các khoản phải thu là

sự tăng lên của chi phí đòi nợ và rủi ro nợ khó đòi, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình tài chính công ty. Các nhà quản trị công ty cần sớm đưa ra các biện pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề này.

**Vòng quay hàng tồn kho*

Vòng quay hàng tồn kho từ 2,41 năm 2013 tăng lên 3,38 năm 2014 và giảm xuống 3,16 năm 2015, là do tốc độ tăng của giá vốn hàng bán lớn hơn tốc độ tăng của hàng tồn kho bình quân. Sự tăng lên không ngừng của vòng quay hàng tồn kho cho thấy khả năng quản lý hàng tồn kho của công ty là khá tốt, hàng tồn kho của công ty vận động ngày càng nhanh, giúp giảm chi phí cho hàng tồn kho, góp phần tăng lợi nhuận cho công ty.

**Số ngày tồn kho*

Số ngày tồn kho từ 149 ngày năm 2013 giảm xuống còn 107 ngày năm 2014 và lại tăng lên thành 114 ngày năm 2015. Chỉ tiêu này cho thấy thời gian dự trữ hàng tồn kho của Công ty đã tăng lên, mặc dù sự gia tăng này không đáng kể nhưng đây cũng là dấu hiệu cảnh báo để Công ty có những biện pháp quản lý hàng tồn kho phù hợp và kịp thời.

4.3.2.3. Phân tích đòn bẩy tài chính

Bảng 4.5: Các chỉ tiêu phân tích đòn bẩy tài chính của Công ty

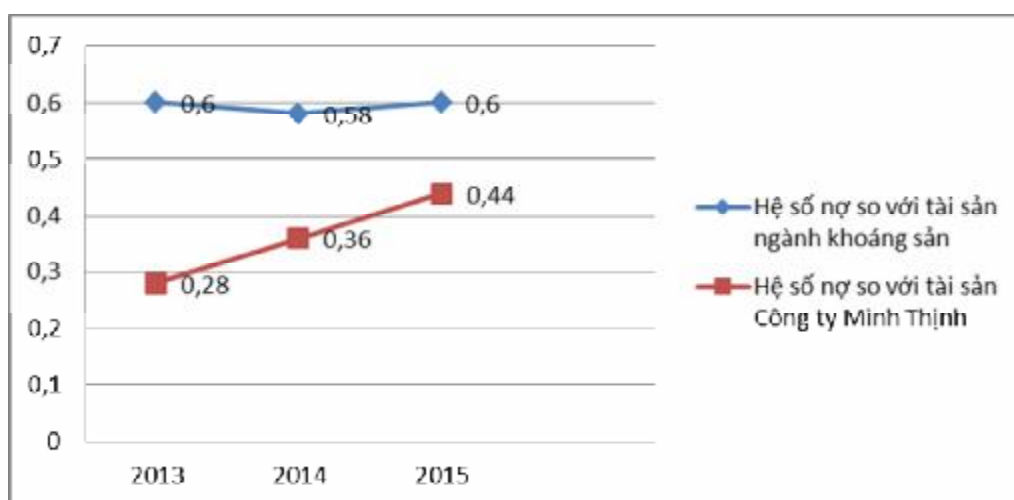
Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015
Hệ số tổng nợ	Lần	0,28	0,36	0,44
Hệ số nợ trên VCSH	Lần	0,39	0,57	0,78
Hệ số kn thanh toán lãi vay	Lần	4,65	3,80	2,41

(Nguồn: Số liệu được tính từ các BCTC của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh năm 2013-2015)

** Hệ số tổng nợ*

Hệ số tổng nợ tăng dần từ 0,28 năm 2013 tăng lên 0,36 năm 2014 và 0,44 năm 2015 chứng tỏ công ty sử dụng ngày càng nhiều nợ để tài trợ tài sản, mức độ phụ thuộc của doanh nghiệp vào chủ nợ càng lớn, mức độ độc lập tài chính của công ty ngày càng suy giảm.

Tuy nhiên, so với hệ số trung bình của ngành khoáng sản thì hệ số này của Minh Thịnh thấp hơn cho thấy mức độ độc lập tài chính của Công ty cao hơn mức trung bình của ngành.



Hình 4.6: So sánh hệ số nợ so với TS của Công ty với ngành

Nguồn: Phụ lục

** Hệ số nợ trên VCSH*

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng dần qua 3 năm từ 0,39 năm 2013 tăng lên 0,57 năm 2014 và 0,78 năm 2015. Chỉ số này nhỏ hơn 1 chứng tỏ tài sản của doanh nghiệp được tài trợ chủ yếu bởi nguồn vốn chủ sở hữu. Hệ số này tăng thể hiện nợ phải trả chiếm tỉ lệ ngày càng lớn hơn so với tổng nguồn vốn, Công ty gặp khó khăn trong việc trả nợ

** Hệ số khả năng thanh toán lãi vay*

Qua 3 năm, hệ số khả năng trả lãi vay của Công ty đều lớn hơn 1 cho

thấy công ty có thừa khả năng thanh toán lãi tiền vay. Hệ số này là nhân tố quan trọng hấp dẫn công ty đưa ra quyết định vay thêm tiền đầu tư vào hoạt động kinh doanh để tích lũy lợi nhuận. Tuy nhiên, hệ số khả năng trả lãi vay đang có xu hướng giảm trong 3 năm từ 4,65 năm 2013 giảm còn 3,8 trong năm 2014 và tiếp tục giảm mạnh còn 2,41 vào năm 2015, tức là một đồng lãi vay được đảm bảo bằng số đồng lợi nhuận trước thuế và lãi vay ngày càng giảm. Nguyên nhân làm cho hệ số khả năng thanh toán lãi tiền vay giảm do mức độ tăng chi phí lãi vay cao hơn nhiều so với mức độ tăng của lợi nhuận trước thuế.

Việc công ty tăng cường sử dụng nợ để tài trợ cho tài sản trong giai đoạn lãi suất thị trường lên cao đã làm giảm khả năng thanh toán lãi vay, là dấu hiệu cho thấy hiệu quả sử dụng nợ của công ty suy giảm. Công ty cần nghiên cứu huy động các nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn vay.

4.3.2.2. Phân tích khả năng sinh lợi

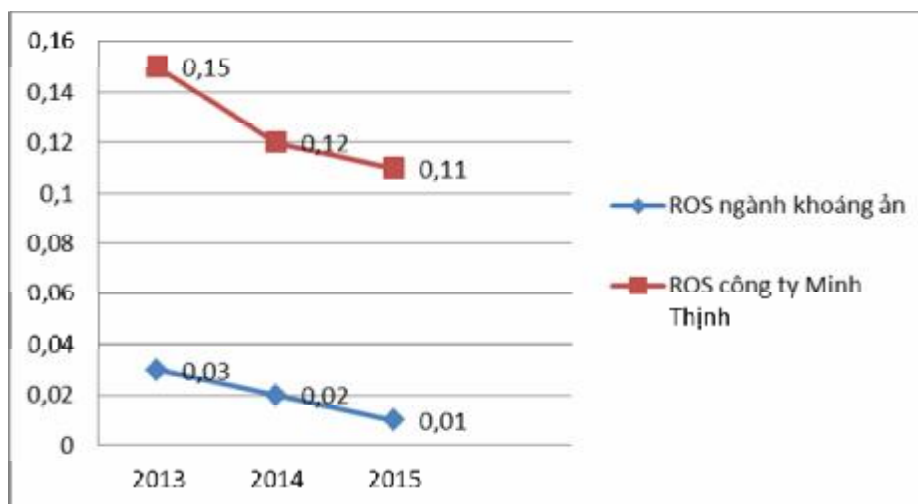
Bảng 4.6. Các chỉ tiêu phân tích khả năng sinh lợi của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015
Tỷ lệ LN gộp trên doanh thu	Lần	0,3	0,28	0,28
Khả năng sinh lời của doanh thu (ROS)	Lần	0,15	0,12	0,11
Khả năng sinh lời của tài sản	Lần	0,1	0,1	0,07
Khả năng sinh lời của VCSH (ROE)	Lần	0,14	0,16	0,13
BEP (EBIT/TTS)	Lần	0,13	0,14	0,14

(Nguồn: Số liệu được tính từ các BCTC của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh năm 2013-2015)

* Khả năng sinh lời của doanh thu (ROS)

ROS của Công ty giảm dần qua 3 năm: 0,15 vào năm 2013, 0,12 năm 2014 và giảm còn 0,11 vào năm 2015. Hệ số khả năng sinh lời của DTT giảm là do tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế thấp hơn tốc độ tăng doanh thu, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty giảm sút.



Hình 4.7: So sánh ROS của Công ty với ngành khoáng sản

Nguồn: Phụ lục

Mặc dù vậy, khi so sánh với hệ số trung bình của ngành khoáng sản thì ROS của Công ty vẫn cao hơn trung bình ngành và vận động cùng chiều, có chiều hướng giảm qua các năm giống các công ty khác trong cùng ngành

* Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)

Nhìn vào bảng phân tích khả năng sinh lời ta thấy ROA giữ mức 0,1 trong 2 năm 2013,2014 và giảm xuống còn 0,07 vào năm 2015, chứng tỏ khả năng sinh lời từ tài sản của Công ty giảm dần. ROA giảm là do tốc độ tăng của LNST thấp hơn tốc độ tăng của TS bình quân. Để tìm nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, ta sử dụng mô hình Dupont để lý giải biến động của ROA.

$$ROA = \frac{LNST}{TS \text{ bình quân}} = \frac{LNST}{DTT} \times \frac{DTT}{TS \text{ bình quân}}$$

Hay: $ROA = ROS \times \text{Vòng quay tổng TS}$

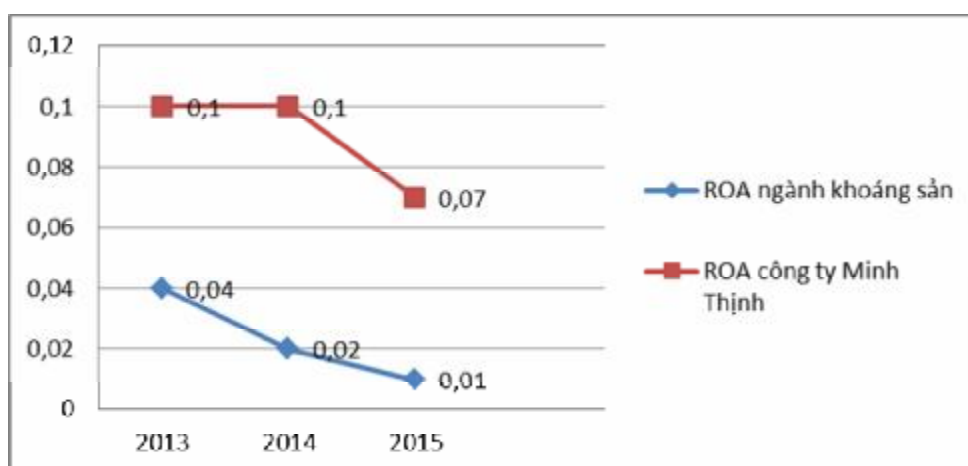
Bảng 4.7: Phân tích tỷ số ROA

Stt	Chỉ Tiêu	Đơn Vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	2014/2013	2015/2014
1	ROS	Lần	0,15	0,12	0,11	(0,03)	(0,01)
2	Vòng quay tổng TS	Vòng	0,69	0,94	0,79	0,25	(0,15)
3	ROA	Lần	0,1	0,1	0,07	-	(0,03)

(Nguồn: Tính toán từ số liệu trên các BCTC của Công ty Minh Thịnh)

Qua bảng phân tích ở trên ta thấy trong năm 2014 ROS giảm nhưng vòng quay tổng tài sản lại tăng tương ứng nên ROA vẫn giữ nguyên. Sang năm 2015, ROS giảm xuống còn 0,11, số vòng quay tổng TS giảm nhẹ còn 1 vòng dẫn tới ROA giảm còn 0,07. ROA giảm chủ yếu là do ROS giảm, nguyên nhân ta đã chỉ ra ở trên là do công ty sử dụng nhiều nợ, dẫn tới phải gánh chịu chi phí lãi vay khá lớn. Tỷ trọng chi phí lãi vay trên doanh thu của Công ty ngày càng tăng với tốc độ rất nhanh do ảnh hưởng từ biến động lãi suất của thị trường và do những bất ổn từ nền kinh tế. Từ đó làm cho hiệu quả kinh doanh của Công ty có sự sụt giảm. Ngoài ra, ROA giảm cũng là do vòng quay tổng TS giảm. Để nâng cao tỷ suất sinh lời của tài sản, một mặt công ty cần nghiên cứu huy động các nguồn vốn khác có chi phí sử dụng vốn thấp hơn nguồn vốn vay nhằm giảm chi phí sử dụng vốn, mặt khác cần tăng cường hiệu quả sử dụng TS, đặc biệt là việc quản lý khoản phải thu.

Bên cạnh đó, khi so sánh với các chỉ số ROA trung bình của ngành khoáng sản thì ROA của công ty biến động cùng chiều và luôn cao hơn mức trung bình ngành chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty Minh Thịnh tuy có giảm nhưng vẫn khá tốt so với mặt bằng chung của ngành khoáng sản.

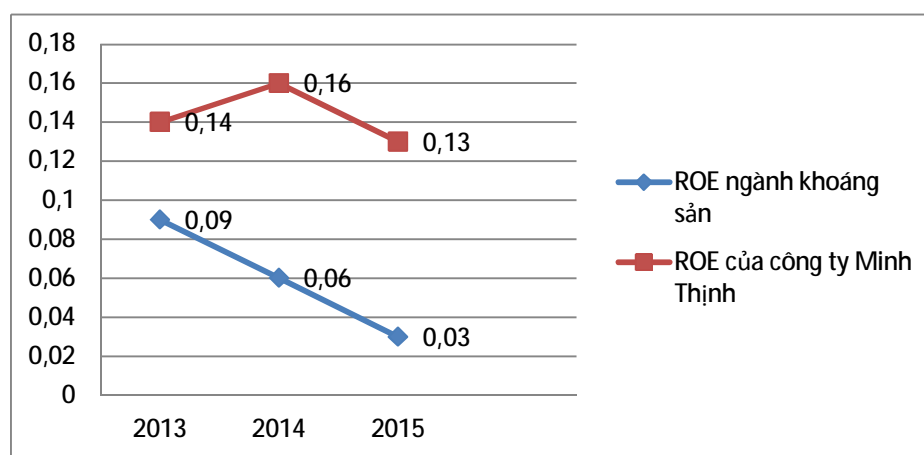


Hình 4.8: So sánh ROA của Công ty với ngành khoáng sản

Nguồn: Phụ lục

* Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu (Return on equity - ROE)

Hệ số khả năng sinh lợi từ VCSH của Công ty biến động trái chiều qua 3 năm, tăng từ 0,14 năm 2013 lên thành 0,16 trong năm 2014 và giảm còn 0,13 vào năm 2015. Khả năng sinh lợi từ VCSH của công ty trong năm 2014 tăng so với năm 2013 là do tốc độ tăng của LNST lớn hơn tốc độ tăng của VCSH. Trong năm 2015, tốc độ tăng của LNST thấp hơn tốc độ tăng của VCSH dẫn tới khả năng sinh lợi từ VCSH của công ty giảm so với năm 2014.



Hình 4.9: So sánh ROE của Công ty với ngành khoáng sản

Nguồn: Phụ lục

Khi so sánh với hệ số trung bình trong ngành khoáng sản thì hệ số khả

năng sinh lời từ VCSH của Công ty luôn cao hơn hệ số trung bình của ngành. Những con số về khả năng sinh lợi của VCSH giúp ta thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ của Công ty tuy có giảm đi trong năm 2015 nhưng vẫn ở mức khá cao xét trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, của ngành khoáng sản.

* Doanh lợi trước thuế (BEP)

Trong khi ROS và ROS là chỉ tiêu mà các chủ sở hữu quan tâm, các chủ nợ lại quan tâm đến chỉ tiêu ROA thì BEP là chỉ tiêu mà Nhà nước quan tâm. Chỉ số sức sinh lợi cơ sở BEP cho thấy mức độ đóng góp của Công ty đối với toàn xã hội cũng đang đạt kết quả cao. Như vậy, bổ sung thêm chỉ tiêu BEP sẽ cho chúng ta cái nhìn toàn diện về hiệu quả tài chính của Công ty.

4.4. Giải pháp về tổ chức công tác phân tích

Việc hoàn thiện tổ chức công tác phân tích chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh cần được tiến hành trên các khía cạnh: xây dựng quy trình phân tích kết hợp với lựa chọn loại hình phân tích phù hợp và tổ chức bộ máy thực hiện.

4.4.1. Xây dựng quy trình phân tích kết hợp với lựa chọn loại hình phân tích phù hợp

Quy trình này đề cập đến các vấn đề chủ yếu sau:

- Kế hoạch phân tích: trong kế hoạch phân tích xác định rõ các yếu tố:

+Nội dung phân tích:

Nội dung phân tích cần liệt kê những nội dung cụ thể, bao gồm: phân tích khái quát tình hình tài chính, phân tích khả năng thanh khoản, phân tích hiệu quả hoạt động, phân tích đòn bẩy tài chính và phân tích khả năng sinh lợi.

+ Phạm vi phân tích: tùy thuộc vào mục tiêu muốn đạt được mà phạm vi phân tích có thể là toàn công ty hay từng khâu (thăm dò, khai thác và chế

biến)...Việc khoanh vùng chính xác phạm vi phân tích sẽ là cơ sở để nhà phân tích lựa chọn và thu thập số liệu

+ Thời gian phân tích: Phân tích tài chính cho Công ty nên tiến hành hàng quý và hàng năm. Thời hạn hoàn thành phân tích là 10 ngày sau hạn nộp báo cáo tài chính của công ty.

- Thực hiện phân tích: trong phần này quy định rõ các bước tiến hành phân tích chỉ tiêu tài chính, bao gồm các bước cơ bản:

+ Thu nhận và kiểm tra thông tin: Trên cơ sở trách nhiệm được quy định rõ cho các bộ phận và cá nhân, việc thu nhận thông tin sẽ được tiến hành theo đúng nội dung và thời hạn được ấn định. Các thông tin sau khi được thu nhận cần được kiểm tra tính chính xác trên cơ sở so sánh, đối chiếu số liệu.

+ Tiến hành phân tích: được thực hiện theo nội dung và phạm vi phân tích đã quy định trong kế hoạch phân tích.

- Nhận xét, đánh giá và viết báo cáo: trên cơ sở các số liệu phân tích đã được tính toán, cán bộ phân tích cần tổng hợp, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra nhận xét, phân tích về các nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng cùng giải pháp kiến nghị để giải quyết các vấn đề tồn tại và phát huy thế mạnh trong hoạt động kinh doanh. Để giảm bớt thời gian viết báo cáo cho cán bộ phân tích, các mẫu báo cáo phân tích chỉ tiêu tài chính cần được xây dựng thống nhất.

4.4.2. Tổ chức bộ máy thực hiện

- Tiến hành thành lập một bộ phận riêng chuyên phân tích tình hình tài chính của công ty gồm các chuyên gia về phân tích trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng của bộ phận này cũng như từng thành viên trong bộ phận này.

- Tiến hành xây dựng quy chế riêng cho công tác phân tích báo cáo tài chính tại công ty cụ thể: Quy định cụ thể về hệ thống chỉ tiêu tài chính cần

phân tích; quy định về các loại biểu mẫu báo cáo sử dụng cho quá trình phân tích; quy định về lĩnh vực và phạm vi phân tích; giải thích rõ nội dung, ý nghĩa và phương pháp tính toán các chỉ tiêu cần phân tích; quy định về hệ thống thông tin phục vụ cho phân tích, sự hợp tác, giúp đỡ của các phòng ban đối với bộ phận làm công tác phân tích; quy định về tính bảo mật của một số nội dung phân tích, thời gian tổ chức hội nghị báo cáo phân tích trong toàn công ty và các quy định khác có liên quan đến công tác phân tích.

- Sau khi đã thành lập được bộ phận chuyên làm công tác phân tích thì sẽ tiến hành đào tạo đội ngũ cán bộ trong bộ phận này để họ nắm vững kỹ thuật phân tích, am hiểu chuyên môn về tài chính kế toán, nắm bắt được những quy định của nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán, nắm bắt được các chính sách kinh tế vĩ mô, hiểu biết về pháp luật, có sự hiểu biết về ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của công ty.... Mặt khác, công ty cần phải thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực này, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ và cập nhật thông tin kinh tế, xã hội cần thiết phục vụ cho việc phân tích.

4.5. Điều kiện để thực hiện và giải pháp

4.5.1. Với Nhà nước

Đề tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện tốt phân tích tài chính, về phía Nhà nước, cần có những thay đổi trong cơ chế, chính sách... như sau:

- Xây dựng các quy định làm định hướng cho công tác phân tích tài chính doanh nghiệp để công tác này không diễn ra một cách tự phát trong các doanh nghiệp, đồng thời tạo cho doanh nghiệp có một động lực để có sự đầu tư thoả đáng cho công tác này. Cụ thể, Bộ Tài chính nên ban hành một số nội dung, chỉ tiêu và phương pháp phân tích có tính chất bắt buộc hoặc tham khảo cho các doanh nghiệp, phù hợp với từng loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ban hành những quy định cụ thể đối với công tác thống kê. Phân tích tài chính sẽ trở nên đầy đủ và có ý nghĩa hơn nếu có hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành. Đây là cơ sở tham chiếu quan trọng khi tiến hành phân tích. Người ta chỉ có thể nói các tỷ lệ tài chính của một DN là cao hay thấp, tốt hay xấu khi đem ra so sánh với các tỷ lệ tương ứng của các DN khác có đặc điểm và điều kiện sản xuất kinh doanh tương tự mà đại diện ở đây là chỉ tiêu trung bình ngành. Tuy nhiên, để có được chỉ tiêu trung bình ngành thì phụ thuộc rất nhiều vào cơ quan thống kê. Cơ quan thống kê cần có quy chế làm việc phù hợp nhằm thu thập thông tin từ các DN, các ngành 1 cách thống nhất, đồng thời có biện pháp kiểm tra thích hợp nhằm đảm bảo tính chính xác của thông tin, từ đó đưa ra các số liệu thống kê kịp thời và đáng tin cậy. Để thực hiện điều này, cần có sự can thiệp của nhà nước trong các quy định về chế độ thống kê.

- Thực tế còn tồn tại hiện tượng, thông tin và số liệu trên BCTC bị bóp méo, phản ánh không trung thực tình hình thực tế tại doanh nghiệp. Sự không trung thực này xuất phát từ nhiều khâu. Từ khâu ghi chép, hạch toán vào các hóa đơn, chứng từ sai lệch; đến khâu phản ánh vào các sổ, các BCTC cuối cùng cũng được xử lý sao cho đáp ứng được lợi ích của một nhóm nhỏ. Doanh nghiệp có lãi hoặc làm ăn thua lỗ nhưng kết quả trên BCTC lại ghi nhận ngược lại nhằm đạt được những mục đích như: đi vay, gọi vốn... Nhiều doanh nghiệp, nợ phải trả rất lớn nhưng lại không phản ánh chi phí vay lãi trong BCTC hay chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu cũng không phản ánh trên BCTC. Những hạn chế trong BCTC của các doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả tính toán các chỉ tiêu tài chính cho ngành. Do đó, để đảm bảo mang lại tính chính xác, trung thực và hiệu quả cho những số liệu trên BCTC, làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính hiệu quả, Bộ Tài chính cần xử phạt nghiêm những trường hợp này.

4.5.2. Với ngành liên quan

Đối với các ngành liên quan, để công tác phân tích tài chính thực sự có hiệu quả, cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Cần công khai hoá các thông tin tài chính làm cơ sở để có số liệu trung bình của ngành và xây dựng các quy định về chế độ, trách nhiệm của những người liên quan trong quá trình lập, công bố thông tin và phân tích thông tin trên báo cáo tài chính.

- Đánh giá đúng mức tầm quan trọng của công tác phân tích tài chính. Theo kết quả nghiên cứu của nhóm nghiên cứu thuộc Khoa Kinh tế và Quản lý trường Đại học Bách khoa Hà Nội, trong 100 doanh nghiệp hoạt động thuộc các ngành nghề khác nhau, chỉ 40% trong số đó có tiến hành hoạt động phân tích tài chính. Các doanh nghiệp thuộc ngành khoáng sản cũng không nằm ngoài thực trạng này. Nếu công tác phân tích tài chính trở thành một hoạt động thường xuyên của các doanh nghiệp trong ngành, mỗi doanh nghiệp sẽ có động lực hơn trong việc hoàn thiện công tác này tại doanh nghiệp mình.

4.5.3 Về phía công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh

Các giải pháp đã nêu ra ở phần trên thật sự có hiệu quả đối với công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh khi công ty có sự đổi mới cần và hoàn thiện trong các vấn đề sau đây:

- *Đối với các nhà lãnh đạo và các nhà quản trị của Công ty:* Cần nhận thấy việc hoàn thiện và sử dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính sẽ là một trong những công cụ quan trọng và hữu ích trong việc quản trị tài chính của doanh nghiệp mình. Ngoài ra, các nhà lãnh đạo và các nhà quản trị của công ty cũng cần liên tục đổi mới tư duy trong việc áp dụng các kiến thức, các tiến bộ khoa học vào việc điều hành, quản trị doanh nghiệp của mình. Có như thế thì hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính mới luôn được cập nhật và áp dụng một cách khoa học nhất.

- *Đối với cán bộ nhân viên các công ty:* Sau khi các nhà lãnh đạo, các nhà quản trị nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc hoàn thiện và sử dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính thì bản thân cán bộ nhân viên, đặc biệt là cán bộ nhân viên làm công tác tài chính, kế toán của công ty cũng phải có sự đổi mới trong tư duy làm việc của mình. Bên cạnh đó, các cán bộ nhân viên này là những người sẽ trực tiếp tính toán và áp dụng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cho doanh nghiệp mình, chính vì thế bản thân mỗi cán bộ nhân viên này phải tự nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn cũng như tay nghề của mình.

- *Đối với công tác tài chính trong công ty:* Số liệu mà các nhà phân tích sử dụng chủ yếu là các tài liệu của kế toán do đó để cho nguồn tài liệu này đáp ứng được yêu cầu của quá trình phân tích thì cần phải tổ chức bộ máy kế toán hoạt động một cách khoa học, các bộ phận phối hợp chặt chẽ và ăn khớp với nhau, bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời. Trên cơ sở đó, công ty có thể rút ngắn được thời gian hoàn thành báo cáo tài chính, tạo điều kiện cung cấp sớm số liệu cho công tác phân tích. Mặt khác, công ty cần phải thực hiện việc kiểm tra, kiểm toán nội bộ định kỳ. Điều này sẽ giúp cho công ty phát hiện được những sai sót, nhầm lẫn và củng cố nề nếp làm việc của bộ máy kế toán khoa học hơn, góp phần nâng cao tính chính xác của số liệu kế toán.

- *Đối với vấn đề cơ sở vật chất kỹ thuật:* Trong thời buổi của khoa học và công nghệ, để cho việc phân tích được đơn giản, khoa học và chuẩn xác hơn và đem lại hiệu quả cao cho công tác phân tích thì công ty cần trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác phân tích báo cáo tài chính, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào phân tích báo cáo tài chính.

Nhìn chung, phân tích báo cáo tài chính ở các doanh nghiệp trong nước nói chung và của công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh nói riêng còn nhiều bất cập và hạn chế. Chính vì vậy mà để công tác phân tích tài chính phát huy hết ý nghĩa, vai trò đòi hỏi các nhà phân tích của công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh phải biết áp dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn giữa vấn đề lý luận vào thực trạng phân tích báo cáo tài chính tại công ty

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế hội nhập và phát triển. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cần đáp ứng được các yêu cầu cơ bản:

- Đảm bảo phân tích tài chính toàn diện nhằm đáp ứng được nhu cầu về phân tích tài chính cho nhiều đối tượng khác nhau.

- Phù hợp với chế độ chính sách tài chính kế toán hiện hành

- Có tính khoa học nhưng đồng thời cần dễ hiểu, dễ áp dụng để nâng cao tính khả thi và có hiệu quả.

- Phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty

Bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cần hoàn thiện tổ chức công tác phân tích tài chính để đảm bảo hệ thống chỉ tiêu được áp dụng một cách hiệu quả, khắc phục các nhược điểm đang tồn tại.

Để nâng cao hiệu quả của hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính cần có các điều kiện về chính sách Nhà nước cũng như của bản thân Công ty như hoàn thiện chế độ kế toán, hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán, tổ chức tốt bộ máy kế toán của Công ty....

KẾT LUẬN

Mục tiêu hoạt động của các doanh nghiệp là tối đa hóa giá trị tài sản cho chủ sở hữu và vươn xa hơn nữa là gia tăng giá trị của công ty. Trong điều kiện kinh tế thị trường rất phức tạp như hiện nay, các doanh nghiệp muốn đứng vững và ngày càng phát triển cần quan tâm và hoàn thiện công tác phân tích tài chính, để từ đó có các giải pháp quản lý hiệu quả hơn các nguồn lực của mình.

Sau phân tích tài chính là ra quyết định kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh và dự báo kết quả kinh doanh cho kỳ tới. Đây là một chuỗi logic mà phân tích tài chính mới chỉ là bước khởi đầu, vì vậy các nhà quản trị doanh nghiệp phải luôn luôn không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu, hoàn thiện hơn vốn kiến thức về tài chính doanh nghiệp nói chung và phân tích tài chính doanh nghiệp nói riêng để phục vụ cho sự nghiệp kinh doanh của mình, hướng đến mục đích cuối cùng là hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn và bền vững.

Qua thời gian nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng tại Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh, luận văn ***“Xây dựng hệ thống phân tích tài chính tại công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh”*** đã được hoàn thành.

Với sự cố gắng nỗ lực trong nghiên cứu lý luận và tìm hiểu tình hình thực tế, cùng với sự hướng dẫn tận tình của TS.Vũ Thị Thanh Thủy, những nội dung về yêu cầu nghiên cứu đã được thể hiện trong luận văn. Những vấn đề về phân tích tài chính và hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính của doanh nghiệp đã được hệ thống hóa. Thực trạng hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính, những kết quả đạt được, những hạn chế cần khắc phục và các giải pháp cụ thể đã được đưa ra khá đầy đủ và chi tiết trong luận văn. Hy vọng đây là cơ sở giúp cho Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh có thể thực hiện tốt hơn

phân tích tài chính, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài chính từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy đã có nhiều cố gắng trong nghiên cứu và thực hiện nhưng chắc hẳn luận văn còn nhiều những thiếu sót nhất định. Rất mong được sự góp ý, nhận xét chân thành của quý Thầy, Cô để luận văn hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Tài chính (2006), Quyết định 15/2006/QĐ-BTC- Về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 20 tháng 03 năm 2006, Hà Nội.
2. Ngô Thế Chi, PGS. TS. NGUYỄN Trọng Cơ (2015), “ *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*”, NXB Tài chính, Hà Nội.
3. Ngô Thế Chi, Đoàn Xuân Tiên, Vương Đình Huệ (1995), *Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.
4. Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh (2013, 2014, 2015), Báo cáo tài chính.
5. Trần Thị Minh Hương (2008), Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Luận án tiến sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
6. Josette Peyrard (1994), *Quản lý tài chính doanh nghiệp*, NXB Thống kê, Hà nội.
7. Trần Quý Liên (2011), “Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phân tích tài chính nhằm tăng cường công tác kiểm toán”, Tạp chí kiểm toán.
8. Nguyễn Thùy Linh (2015), Phân tích tình hình tài chính công ty TNHH 1 thành viên than Mạo Khê, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế, Hà Nội.
9. Vũ Huyền Nga (2014), Phân tích báo cáo tài chính Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

10. Nguyễn Năng Phúc (2006), Phân tích tài chính công ty cổ phần, NXB Tài chính, Hà Nội.
11. Phạm Thị Quyên (2014), Hoàn thiện nội dung phân tích tài chính cho các công ty cổ phần trong Tổng công ty xi măng Việt Nam, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
12. Website: webketoan.vn, kiemtoan.vn, cophieu68.com

Tiếng Anh

13. Bititci US, Carrie A.S and Mcdevitt LG (1997), “Integrated Performance Measurement Systems: a Development Guide”, International Journal of Operations & Production Management, Vol. 17, No. 5-6, pp. 522-534.
14. Charles H. Gibson (1995), Financial statement analysis, South- Western College Publishing.
15. Ciaran Walsh (2006), Key Management Ratios: The clearest guide to the critical numbers that drive your business, 4e, Great Britain. 5

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		BIẾN ĐỘNG NĂM 2/1		BIẾN ĐỘNG NĂM 3/2	
		Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250	361.393.549.556	100%	475.588.789.272	100%	610.531.099.082	100%	114.195.239.716	31,60%	134.942.309.810	28,37%
A. Tài sản ngắn hạn	100	103.900.842.718	29%	173.712.052.041	37%	208.074.024.929	34%	69.811.209.323	67,19%	34.361.972.888	19,78%
I. Tiền mặt	110	4.139.991.461	1%	6.288.044.722	1%	10.347.305.585	2%	2.148.053.261	51,89%	4.059.260.863	64,56%
1. Tiền mặt tại quỹ	111	1.589.086.186	0%	2.147.282.956	0%	4.917.769.175	1%	558.196.770	35,13%	2.770.486.219	129,02%
2. Tiền gửi ngân hàng	112	2.550.905.275	1%	4.140.761.766	1%	5.429.536.410	1%	1.589.856.491	62,33%	1.288.774.644	31,12%
II. Phải thu	130	24.753.715.917	7%	68.444.807.884	14%	91.239.212.880	15%	43.691.091.967	176,50%	22.794.404.996	33,30%
1. Phải thu của khách hàng	131	15.276.435.897	4%	27.286.669.975	6%	31.287.497.067	5%	12.010.234.078	78,62%	4.000.827.092	14,66%
2. Trả trước cho người bán	132	3.579.943.107	1%	8.430.431.406	2%	10.974.294.781	2%	4.850.488.299	135,49%	2.543.863.375	30,17%
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133	171.946.232	0%	1.370.806.155	0%	1.740.651.022	0%	1.198.859.923	697,23%	369.844.867	26,98%
4. Phải thu khác	138	5.725.390.681	2%	31.356.900.348	7%	47.236.770.010	8%	25.631.509.667	447,68%	15.879.869.662	50,64%
III. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	0%	0	0%	0	0%	0		0	!
IV. Tồn kho	140	72.729.994.805	20%	95.061.351.903	20%	99.711.854.129	16%	22.331.357.098	30,70%	4.650.502.226	4,89%
1. Nguyên vật liệu tồn kho	142	20.946.574.607	6%	27.370.297.938	6%	23.837.332.166	4%	6.423.723.331	30,67%	(3.532.965.772)	(12,91%)
2. Hàng gửi đi bán		0	0%	0	0%	0	0%	0		0	
3. Công cụ dụng cụ	143	1.880.306.024	1%	2.737.823.434	1%	1.823.526.938	0%	(18.208.751.173)	(86,93%)	-914.296.496	(33,40%)
4. Chi phí SXKD dở dang	144	21.891.013.145	6%	23.411.191.511	5%	26.289.498.487	4%	1.520.178.366	6,94%	2.878.306.976	12,29%
5. Thành phẩm tồn kho	145	18.720.032.070	5%	25.313.502.325	5%	30.839.147.122	5%	6.593.470.255	35,22%	5.525.644.797	21,83%
6. Hàng hóa tồn kho	146	9.292.068.959	3%	16.228.536.695	3%	16.922.349.416	3%	6.936.467.736	74,65%	693.812.721	4,28%
V. Tài sản lưu động khác	150	2.277.140.535	1%	3.917.847.532	1%	6.775.652.335	1%	1.640.706.997	72,05%	2.857.804.803	72,94%
1. Tạm ứng	151		0%		0%		0%	0		0	
2. Chi phí trả trước	152	2.277.140.535	1%	3.917.847.532	1%	6.775.652.335	1%	1.640.706.997	72,05%	2.857.804.803	72,94%
3. Thuế và các khoản phải thu NN	153		0%	0	0%		0%	0		0	

4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0%	0	0%		0%	0		0	
B. Tài sản dài hạn	200	257.492.706.838	71%	301.876.737.231	63%	402.457.074.153	66%	44.384.030.393	17,24%	100.580.336.922	33,32%
I. TSCĐ hữu hình	211	126.664.644.298	35%	146.945.495.983	31%	207.029.276.778	34%	20.280.851.685	16,01%	60.083.780.795	40,89%
- Nguyên giá	212	147.924.988.884	41%	179.279.847.633	38%	247.401.970.167	41%	31.354.858.749	21,20%	68.122.122.534	38,00%
- Hao mòn lũy kế	213	21.260.344.586	6%	32.334.351.650	7%	40.372.693.389	7%	11.074.007.064	52,09%	8.038.341.739	24,86%
II. Tài sản cố định vô hình	214	55.451.283.695	15%	59.927.714.633	13%	82.631.173.296	14%	4.476.430.938	8,07%	22.703.458.663	37,88%
- Nguyên giá	215	55.469.529.548	15%	59.969.529.548	13%	82.684.381.548	14%	4.500.000.000	8,11%	22.714.852.000	37,88%
- Hao mòn lũy kế	216	18.245.853	0%	41.814.915	0%	53.208.252	0%	23.569.062	129,17%	11.393.337	27,25%
III. Đầu tư tài chính dài hạn	220	55.094.774.909	15%	59.344.774.908	12%	74.344.774.908	12%	4.249.999.999	7,71%	15.000.000.000	25,28%
IV. XDCB dở dang	230	17.518.581.707	5%	31.210.520.499	7%	30.876.383.515	5%	13.691.938.792	78,16%	(334.136.984)	(1,07%)
V. Ký cược ký quỹ dài hạn khác	240	2.763.422.229	1%	4.448.231.208	1%	7.575.465.656	1%	1.684.808.979	60,97%	3.127.234.448	70,30%

NGUỒN VỐN	Mã số	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		BIẾN ĐỘNG NĂM 2/1		BIẾN ĐỘNG NĂM 3/2	
		Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		361.393.549.556	100	475.588.789.272	100	610.531.099.082	100	114.195.239.716	31,60%	134.942.309.810	28,37%
A. Nợ phải trả	300	100.552.169.986	28%	172.072.427.731	36%	267.925.365.111	44%	71.520.257.745	71,13%	95.852.937.380	55,70%
I. Nợ ngắn hạn	310	91.648.847.986	25%	155.430.069.731	33%	246.825.365.111	40%	63.781.221.745	69,59%	91.395.295.380	58,80%
1. Vay ngắn hạn	311	84.997.133.419	24%	140.885.226.361	30%	236.938.235.666	39%	55.888.092.942	65,75%	96.053.009.305	68,18%
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	312	0	0%	0	0%	0	0%	0		0	
3. Phải trả người bán	313	3.128.302.675	1%	10.144.626.286	2%	9.217.042.442	2%	7.016.323.611	224,29%	-927.583.844	(9,14%)
4. Người mua trả tiền trước	314	0	0%	0	0%	0	0%	0		0	
5. Thuế và khoản nộp Nhà nước	315	423.980.813	0%	-29.901.764	0%	54.619.703	0%	(453.882.577)	-107,05%	84.521.467	(282,66%)
6. Phải trả công nhân viên	316	0	0%	1.526.470.291	0%	0	0%	1.526.470.291		(1.526.470.291)	
7. Phải trả cho các đơn vị nội bộ	317	3.072.183.147	1%	2.893.224.462	1%	605.044.000	0%	(178.958.685)	(5,83%)	(2.288.180.462)	(79,09%)
8. Phải trả phải nộp khác	318	27.247.932	0%	10.424.095	0%	10.423.300	0%	(16.823.837)	(61,74%)	(795)	(0,01%)
II. Nợ dài hạn	320	8.903.322.000	2%	16.642.358.000	3%	21.100.000.000	3%	7.739.036.000	86,92%	4.457.642.000	26,78%
1. Vay dài hạn	321	8.903.322.000	2%	16.642.358.000	3%	21.100.000.000	3%	7.739.036.000	86,92%	4.457.642.000	26,78%

2. Nợ dài hạn khác	322	0	0%	0	0%		0%	(8.903.322.000)		0	
III. Nợ khác	330	0	0%	0	0%	0	0%	0		0	
1. Chi phí phải trả	331	0	0%	0	0%		0%	0		0	
2. Tài sản thừa chờ xử lý	332	0	0%		0%		0%	0		0	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	333	0	0%		0%		0%	0		0	
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	260.841.379.570	72%	303.516.361.541	64%	342.605.733.971	56%	42.674.981.971	16,36%	39.089.372.430	12,88%
1. Nguồn vốn kinh doanh	411	154.420.065.153	43%	154.420.065.153	32%	200.000.000.000	33%	0	0,00%	45.579.934.847	29,52%
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412	0	0%		0%		0%	0		0	
3. Chênh lệch tỷ giá	413	0	0%	0	0%		0%	0		0	
4. Quỹ phát triển kinh doanh	414	6.023.650.000	2%	10.000.000.000	2%	10.000.000.000	2%	3.976.350.000	66,01%	0	0,00%
5. Quỹ dự phòng tài chính	415	6.693.250.000	2%	10.000.000.000	2%	10.000.000.000	2%	3.306.750.000	49,40%	0	0,00%
6. Lãi chưa phân phối	417	86.098.431.688	24%	117.537.032.435	25%	112.830.121.964	18%	31.438.600.747	36,51%	(4.706.910.471)	(4,00%)
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	418	7.605.982.729	2%	11.559.263.953	2%	9.775.612.007	2%	3.953.281.224	51,98%	(1.783.651.946)	(15,43%)
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	419		0%		0%		0%	0		0	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	421		0%		0%		0%	0		0	
10. Nguồn kinh phí sự nghiệp	424		0%		0%		0%	0		0	

PHỤ LỤC 2: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		SS(2/1)	SS(3/2)
		Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	%	%
1	Tổng doanh thu	253.793.367.62	100%	401.284.429.264	100,00%	438.981.576.167	100,00	158,11%	109,39%
	Doanh thu xuất khẩu	57.638.906.113		98.512.190.225		82.387.652.101		170,91%	83,63%
2	Các khoản giảm trừ	3.170.846.808	1%	6.554.805.536	1,63%	10.723.202.079	2,44%	206,72%	163,59%
	Chiết khấu	0	0%	0	0,00%		0,00%		
	Giảm giá hàng bán	3.170.846.808	1,25%	6.554.805.536	1,63%	10.723.202.079	2,44%	206,72%	163,59%
3	Doanh thu thuần (1-2)	250.622.520.81	98,75	394.729.623.728	98,37%	428.258.374.088	97,56%	157,50%	108,49%
4	Giá vốn hàng bán	175.238.283.76	69,05	283.431.576.350	70,63%	308.150.468.417	70,20%	161,74%	108,72%
5	Lãi gộp (3-4)	75.384.237.049	29,70	111.298.047.378	27,74%	120.107.905.671	27,36%	147,64%	107,92%
6	Chi phí bán hàng	16.787.636.353	6,61%	27.296.468.212	6,80%	28.713.798.752	6,54%	162,60%	105,19%
7	Chi phí quản lý	12.352.630.095	4,87%	17.847.954.726	4,45%	13.500.739.488	3,08%	144,49%	75,64%
8	Lãi thuần từ HĐKD (5-6-7)	46.243.970.601	18,22	66.153.624.440	16,49%	77.893.367.431	17,74%	143,05%	117,75%
9	Thu nhập từ hoạt động tài chính	989.058.208	0,39%	240.106.349	0,06%	74.845.151	0,02%	24,28%	31,17%
10	Chi phí hoạt động tài chính	10.212.664.967	4,02%	17.549.179.489	4,37%	32.415.898.060	7,38%	171,84%	184,71%
11	Lãi thuần từ HĐTC	(9.223.606.759)	(3,63)	(17.309.073.140)	(4,31%)	(32.341.052.909)	(7,37%)	187,66%	186,84%
12	Thu nhập bất thường	213.358.606	0,08%	395.977.739	0,10%		0,00%	185,59%	0,00%
13	Chi phí bất thường	0	0,00%	73.554.150	0,02%		0,00%		0,00%
14	Lãi bất thường	213.358.606	0,08%	322.423.589	0,08%	0	0,00%	151,12%	0,00%
15	Lãi trước thuế (8+11+14)	37.233.722.448	14,67	49.166.974.889	12,25%	45.552.314.522	10,38%	132,05%	92,65%
16	Thuế thu nhập	82.984.087	0,03%	510.274.133	0,13%	455.835.945	0,10%	614,91%	89,33%
17	Lãi ròng (15-16)	37.150.738.361	14,64	48.656.700.756	12,13%	45.096.478.577	10,27%	130,97%	92,68%

PHỤ LỤC 3: Tổng hợp So sánh các chỉ tiêu của Minh Thịnh với chỉ tiêu của ngành khoáng sản

STT	Chỉ tiêu	Cách tính	Đơn vị	2013	2014	2015
1	Hệ số nợ so với tài sản	Tổng nợ/Tổng Tài sản	Ngành khoáng sản	0,6	0,58	0,6
			Minh Thịnh	0,28	0,36	0,44
2	Hệ số thanh toán tổng quát	Tổng TS/Tổng nợ (=1/(1))	Ngành khoáng sản	1,67	1,72	1,67
			Minh Thịnh	3,59	2,76	2,28
3	Hệ số thanh toán ngắn hạn	TSNH/Nợ ngắn hạn	Ngành khoáng sản	1,06	1,13	0,88
			Minh Thịnh	1,13	1,12	0,84
4	Hệ số thanh toán nhanh	(TSNH - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Ngành khoáng sản	0,63	0,7	0,58
			Minh Thịnh	0,34	0,51	0,44
5	Hệ số thanh toán tức thời	Tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	Ngành khoáng sản	0,07	0,1	0,08
			Minh Thịnh	0,05	0,04	0,04
6	Vòng quay Tổng TS	DTT/TS bình quân	Ngành khoáng sản	1,34	1,37	1,21
			Minh Thịnh	0,69	0,94	0,79
7	ROS	LNST/DTT	Ngành khoáng sản	0,03	0,02	0,01
			Minh Thịnh	0,15	0,12	0,11
8	ROA	LNST/TS bình quân	Ngành khoáng sản	0,04	0,02	0,01
			Minh Thịnh	0,1	0,1	0,07
9	ROE	LNST/ VCSH bình quân	Ngành khoáng sản	0,09	0,06	0,03
			Minh Thịnh	0,14	0,16	0,13

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2013-2015 của Công ty TNHH khoáng sản Minh Thịnh; <http://cophieu68.com>